

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY



**NỘI DUNG
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II**

HỌ VÀ TÊN:

LỚP:.....

Thứ	Thời gian	Buổi	Tiết	Môn	Lớp	GV coi thi
2	16/3	Sáng	3	GDCD	6789	Theo TKB
3	17/3	Sáng	3	Công nghệ	6789	Theo TKB
4	18/3	Sáng	3	Tin học	6789	Theo TKB
5	19/3	Sáng	2	LS&DL	6789	Theo TKB
6	20/3	Sáng	1-2	KHTN	6789	Theo TKB
2	23/3	Sáng	4	HĐTNHN	6789	Theo TKB
3	24/3	Sáng	1-2	Ngữ văn	6789	Theo TKB
4	25/3	Sáng	1-2	Toán	6789	Theo TKB
5	26/3	Sáng	1-2	Tiếng Anh	6789	Theo TKB
6	27/3	Sáng	3	GD&P	6789	Theo TKB

NĂM HỌC 2025 - 2026

D. vải sợi bông, may rộng, dép lê.

Câu 8. Bảo quản trang phục bao gồm những công việc nào dưới đây?

A. Làm sạch, làm khô, làm phẳng.

B. Làm sạch, làm phẳng, cất giữ,

C. Làm sạch, làm khô, làm phẳng, cất giữ.

D. Làm khô, làm phẳng, cất giữ.

Câu 9. Khi lựa chọn trang phục phù hợp thì yêu cầu nào sau đây **không cần** thực hiện?

A. May những quần áo đắt tiền, theo mốt.

B. Xác định đặc điểm về vóc dáng của người mặc.

C. Chọn vải phù hợp.

D. Chọn vật dụng đi kèm phù hợp.

Câu 10. Vải hoa nên kết hợp với loại vải nào sau đây?

A. Vải trơn.

B. Vải kẻ ca rô.

C. Vải kẻ dọc.

D. Vải kẻ ngang.

Câu 11. Màu vải nào sau đây dùng may quần để hợp với tất cả các màu của áo?

A. Màu đen, màu trắng.

B. Màu đen, màu tím.

C. Màu trắng, màu vàng.

D. Màu đỏ, màu xanh.

Câu 12. Khi sử dụng trang phục cần lưu ý điều gì?

A. Hợp mốt.

B. Phù hợp với hoạt động và môi trường

C. Phải đắt tiền.

D. Nhiều màu sắc sỡ.

Câu 13. Vải sợi hóa học có thể được chia thành 2 loại nào?

A. vải sợi thiên nhiên và vải sợi nhân tạo.

B. vải sợi nhân tạo và vải sợi tổng hợp.

C. vải sợi thiên nhiên và vải sợi tổng hợp.

D. vải sợi pha và vải sợi hóa học.

Câu 14. Loại vải được kết hợp hai hay nhiều loại vải khác nhau tạo thành gọi là gì?

A. vải sợi tổng hợp

B. vải sợi nhân tạo

C. vải sợi pha

D. vải sợi bông

Câu 15. Đâu **không phải** là đồ dùng điện trong gia đình?

A. Máy xay sinh tố

B. Nồi cơm điện

C. Tủ lạnh

D. Xe máy

Câu 16. Tình huống nào dưới đây đảm bảo an toàn khi sử dụng điện?

A. Sử dụng máy sấy tóc trong phòng tắm

B. Vừa sử dụng điện thoại vừa cắm sạc

C. Bật bình nóng lạnh khi đang tắm.

D. Không chạm tay vào chỗ đang có điện như ổ cắm điện, nơi hở điện

Câu 17. Trên nồi cơm điện có ghi số liệu kĩ thuật như sau: 220V-700W; Dung tích: 1,8 lít. Hãy cho biết đâu là đại lượng đặc trưng riêng?

A. 220V

B. 700 W

C. 200V-700W

D. 1,8 lít

Câu 18. Nêu ý nghĩa của kí hiệu giặt là sau:



A. Không được là quá 110 độ C

B. Không được là quá 150 độ C

C. Không được là quá 200 độ C

D. Không được là hơi nước

Câu 19. Trên nồi cơm điện có ghi số liệu kĩ thuật như sau: 220V-700W; Ý nghĩa của con số này là gì?

- A. Công suất định mức và dung tích
- B. Điện áp định mức và dung tích
- C. Công suất định mức và điện áp định mức
- D. Dung tích của nồi cơm điện

Câu 20. Đồ dùng điện là gì?

- A. các sản phẩm công nghệ
- B. các sản phẩm công nghệ, hoạt động bằng năng lượng điện.
- C. sản phẩm công nghệ, phục vụ sinh hoạt trong gia đình
- D. các sản phẩm công nghệ, hoạt động bằng năng lượng điện, phục vụ sinh hoạt trong gia đình.

b. Một số câu trắc nghiệm đúng/sai

Câu 1. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **đúng (Đ)**, phát biểu nào **sai (S)** khi nói về phong cách dân gian?

- a. Khai thác yếu tố văn hóa, truyền thống dân gian, dân tộc dựa vào thiết kế của trang phục hiện đại.
- b. Thể hiện sự thanh lịch, sang trọng và lịch lãm.
- c. Là cách mặc trang phục có nét đặc trưng của trang phục dân tộc về hoa văn, chất liệu, kiểu dáng.
- d. Vừa mang vẻ hiện đại, vừa đậm nét văn hóa của mỗi dân tộc.

Câu 2. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **đúng (Đ)**, phát biểu nào **sai (S)** khi nói về bảo quản trang phục?

- a. Bảo quản trang phục bao gồm 3 bước.
- b. Bảo quản trang phục là việc làm cần thiết và thường xuyên.
- c. Khi là quần áo cần để bàn là lâu ở một chỗ trên mặt vải.
- d. Đối với quần áo chưa dùng đến, chúng ta cần gói trong túi để tránh ẩm, mốc,...

Câu 3. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **đúng (Đ)**, phát biểu nào **sai (S)** khi nói về đồ dùng điện trong gia đình?

- a. Lựa chọn đồ dùng điện có thông số kĩ thuật và tính năng phù hợp với nhu cầu sử dụng của gia đình.
- b. Kí hiệu đơn vị của điện áp định mức là W.
- c. An toàn khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình phải đảm bảo 3 yếu tố.
- d. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định hoặc cố định chắc chắn.

c. Một số câu hỏi tự luận

Câu 1. Lựa chọn trang phục dựa trên những tiêu chí nào?

Câu 2. Thời trang là gì? Có những phong cách thời trang nào?

Câu 3. Nêu các nguyên tắc phối hợp trang phục về màu sắc. Khi phối hợp trang phục về họa tiết thì cần lưu ý những điều gì?

Câu 4. Đồ dùng điện trong gia đình là gì? Khi lựa chọn đồ dùng điện cần lưu ý những nội dung nào?

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

Năm học 2025- 2026

A. NỘI DUNG ÔN TẬP:

Ôn các bài từ tuần 19 đến tuần 25, trong đó trọng tâm kiến thức:

- Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm

- Bài 8: Tiết kiệm

B. YÊU CẦU ÔN TẬP:

- Khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa, cách rèn luyện liên quan đến các đơn vị kiến thức.

- Suu tầm các câu ca dao, tục ngữ thể hiện nội dung kiến thức đã học.

- Làm các bài tập tình huống trong sách giáo khoa, sách bài tập GDCD Lớp 6

- Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống trong thực tế.

C. HÌNH THỨC RA ĐỀ: Trắc nghiệm: Trắc nghiệm 70% (20 câu trắc nghiệm chọn 1/4 đáp án đúng; 02 câu trắc nghiệm đúng/sai); Tự luận 30% (2 câu)

D. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM.

I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Hãy chọn ¼ đáp án đúng nhất. (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

Câu 1: Nội dung nào dưới đây không đúng khi phản ánh về khái niệm “tình huống nguy hiểm”?

A. Là những sự việc bất ngờ xảy ra.

B. Có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của con người.

C. Có thể gây nên những thiệt hại vật chất cho cộng đồng xã hội.

D. Là những sự việc diễn ra theo kế hoạch, có chủ đích của con người.

Câu 2: Tình huống nào dưới đây là tình huống nguy hiểm từ tự nhiên?

A. Lũ lụt.

B. Trộm cắp.

C. Bạo lực gia đình.

D. Xâm hại tình dục.

Câu 3: Số điện thoại 113 là số điện thoại khẩn cấp của cơ quan, tổ chức nào?

A. Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em

B. Cấp cứu y tế.

C. Công an hoặc cảnh sát khi có việc liên quan đến an ninh, trật tự.

D. Cơ quan phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn.

Câu 4: Số điện thoại 115 là số điện thoại khẩn cấp của cơ quan, tổ chức nào?

A. Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em

B. Gọi cấp cứu y tế

C. Gọi công an hoặc cảnh sát khi có việc liên quan đến an ninh, trật tự

D. Gọi cơ quan phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn

Câu 5: Khi gặp mưa dông, lốc, sét, chúng ta không nên thực hiện hành động nào dưới đây?

A. Ở trong nhà khi trời mưa dông, lốc, sét.

B. Tắt thiết bị điện trong nhà (điện thoại di động, tivi...).

C. Nếu đang đi ngoài đường, cần thanh chóng tìm nơi trú ẩn an toàn.

D. Nếu đang đi ngoài đường, hãy nhanh chóng tìm tới các gốc cây to để trú ẩn

Câu 6: Để ứng phó với tình huống nguy hiểm từ lũ quét, lũ ống, sạt lở đất chúng ta không nên thực hiện hành động nào dưới đây?

A. Thường xuyên xem dự báo thời tiết.

B. Chủ động chuẩn bị phòng chống (đèn pin, thực phẩm, áo mưa...).

C. Nhanh chóng bơi qua sông, suối để di chuyển tới nơi an toàn.

D. Gọi số 112 khi cần trợ giúp tìm kiếm cứu nạn trên phạm vi toàn quốc.

Câu 7: Nhân vật nào trong tình huống nào dưới đây đã biết ứng phó với tình huống nguy hiểm từ con người?

A. M lên xe của một người đàn ông lạ mặt khi ông ấy đề nghị đưa L về nhà.

B. Khi bị người đàn ông lạ mặt chạm vào vùng nhạy cảm, B sợ hãi, không dám nói với ai.

C. Nhà ông K bị trộm đột nhập, lấy đi nhiều tài sản, nhưng ông K không dám báo công an.

D. Khi phát hiện có hỏa hoạn, A nhanh chóng thông báo cho mọi người và gọi số 114.

Câu 8: Khi đang ở trong nhà cao tầng phát hiện có cháy nổ, hỏa hoạn chúng ta sẽ

A. chạy lên tầng cao hơn nơi chưa cháy.

B. thoát hiểm bằng cầu thang máy cho nhanh.

C. chạy xuống bằng cầu thang bộ theo chỉ dẫn thoát nạn.

D. ở trong phòng đóng kín các cửa để cô lập đám cháy.

Câu 9: Giữa buổi trưa nắng nóng, khi vừa tan học bạn V đang bước thật nhanh để về nhà, thì có một người phụ nữ ăn mặc rất sang trọng, tự giới thiệu là bạn của mẹ và được mẹ nhờ đưa V về nhà. Trong trường hợp này, nếu là V em sẽ làm như thế nào?

A. Vui vẻ lên xe để nhanh về nhà không nắng.

B. Khéo léo gọi điện cho bố mẹ để xác nhận thông tin.

C. Từ chối ngay và chửi mắng người đó là đồ bắt cóc.

D. Đi khắp nơi điều tra rõ xem người phụ nữ đó là ai.

Câu 10: Khi đang trên đường từ trường học về nhà, H thấy có người đàn ông lạ mặt nhờ H chuyển đồ giúp và hứa cho em một khoản tiền. Trong trường hợp này, nếu là H em sẽ làm như thế nào?

A. Từ chối không giúp.

B. Vui vẻ, nhận lời.

C. Phân vân, lưỡng lự.

D. Trả nhiều tiền thì giúp.

Câu 11: Trong những câu sau, câu nào nói không đúng về ý nghĩa của tiết kiệm ?

A. Tiết kiệm làm cho con người chỉ biết thu vén cho bản thân

B. Người tiết kiệm là người biết chia sẻ, vì lợi ích chung.

C. Tiết kiệm đem lại ý nghĩa to lớn về kinh tế.

D. Tiết kiệm là một nét đẹp trong hành vi của con người.

Câu 12: Sống tiết kiệm sẽ mang lại ý nghĩa nào sau đây?

A. Dễ trở thành ích kỉ, bủn xỉn và bạn bè xa lánh.

B. Không được thỏa mãn hết nhu cầu vật chất và tinh thần.

C. Biết quý trọng công sức của bản thân và người khác.

D. Không có động lực để chăm chỉ để làm việc nữa.

Câu 13: Nhận định nào dưới đây không đúng khi nói về tiết kiệm ?

- A. Tiết kiệm thể hiện sự quý trọng sức lao động của bản thân.
- B. Người tiết kiệm sẽ tích lũy được nhiều tài sản.
- C. Tiết kiệm là biết sử dụng một cách hợp lý thời gian, công sức, tiền của.
- D. Chỉ những người nghèo mới phải tiết kiệm.

Câu 14: Việc làm nào sau đây không thể hiện tính tiết kiệm?

- A. Bạn T luôn luôn đi học đúng giờ.
- B. Thấy Tí xả nước ra chậu rất nhiều để nghịch nước, mẹ đã tắt vòi nước và dạy cho Tí hiểu cần phải tiết kiệm nước.
- C. Bạn B đang trên đường đi học, thấy một cụ bà chuẩn bị sang đường, bạn B đã giúp cụ bà qua đường an toàn.
- D. Bố cho A tiền tiêu ăn sáng mỗi ngày 20.000d, A chỉ ăn hết 10.000d và số tiền còn lại A bỏ vào lợn tiết kiệm.

Câu 15: Câu thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây nói về tiết kiệm?

- A. Học, học nữa, học mãi.
- B. Có công mài sắt, có ngày nên kim.
- C. Tích tiểu thành đại.
- D. Đi một ngày đàng học một sàng khôn.

Câu 16: Tiết kiệm thể hiện điều gì ở con người?

- A. Thể hiện sự quý trọng thành quả lao động.
- B. Xài thoải mái.
- C. Làm gì mình thích.
- D. Có làm thì có ăn.

Câu 17: Tiết kiệm là

- A. đồng nghĩa với bủn xỉn, keo kiệt.
- B. giúp chủ động trong cuộc sống, thực hiện được các mục tiêu đặt ra.
- C. chỉ lo vun vén cho bản thân mình.
- D. làm cho cuộc sống không được thoải mái.

Câu 18: Tiết kiệm là biết sử dụng của cải, thời gian, sức lực của mình và của người khác.

- A. hợp lí, có hiệu quả
- B. theo ý thích
- C. tối thiểu
- D. tiết kiệm nhất

Câu 19: Gia đình V sống bằng những đồng lương ít ỏi của bố. Mấy hôm nữa là đến sinh nhật V, nhóm bạn thân trong lớp gợi ý V tổ chức sinh nhật ở nhà hàng cho sang trọng. Nếu là V em sẽ làm gì?

- A. Xin bố mẹ tiền để tổ chức ở nhà hàng cho sang trọng.
- B. Tổ chức sinh nhật tại nhà đơn giản, tiết kiệm, đầm ấm, vui vẻ.
- C. Mắng cho bạn một trận vì chả biết nghĩ cho gia cảnh nhà mình.
- D. Mỗi năm sinh nhật có một lần nên phải tổ chức hoành tráng.

Câu 20: Khi K đang ngồi xem ti vi một mình trong phòng khách vừa bật điều hòa vừa quạt trần thì A đến rủ đi đá bóng. Thấy vậy, K liền cùng bạn A chạy đi chơi mà không tắt các thiết bị điện trong nhà. Nếu là bạn A em sẽ khuyên bạn K điều gì?

- A. Tắt tất cả các phương tiện, thiết bị dùng điện khi không cần thiết.

- B. Đồng ý với bạn, để vảy lát đi đá bóng về không cần bật nữa.
- C. Khuyên bạn tắt ti vi, nhưng vẫn để điều hòa lát đá bóng về cho mát.
- D. Không nói gì vì đó là việc của bạn, mình không quan tâm.

II. Trắc nghiệm đúng/sai. Trong mỗi ý a), b), c), d), học sinh chọn đúng hoặc sai:

Câu 1: Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi

Từ hôm được mẹ mua cho chiếc điện thoại để tiện liên lạc. Hùng không muốn rời nó lúc nào. Ngoài những giờ học trên lớp, Hùng lại mở điện thoại lướt web, lên mạng xã hội tán chuyện với bạn bè, chơi điện tử nên đã sao nhãng chuyện học hành. Cô giáo và bố mẹ đã nhắc nhở nhưng Hùng vẫn không thay đổi vì cho rằng đó là cách để thư giãn, giảm bớt căng thẳng sau giờ học.

- a) Hùng đã biết sử dụng thời gian hợp lí, hiệu quả.
- b) Hùng vâng lời cô giáo và bố mẹ dừng việc sử dụng điện thoại ngay sau khi được nhắc nhở.
- c) Kết quả học tập của Hùng được cải thiện sau một thời gian mẹ mua điện thoại cho Hùng.
- d) Việc sử dụng điện thoại của Hùng thể hiện hùng chưa biết tiết kiệm thời gian.

E. Tự luận

*** Câu hỏi lí thuyết**

Câu 1: Tiết kiệm là gì? Nêu biểu hiện và ý nghĩa của tiết kiệm.

Câu 2: Em hãy tự đánh giá bản thân đã có tính tiết kiệm chưa? Hãy kể một vài việc làm cụ thể về việc thực hành tiết kiệm của em?

Câu 3: Tình huống nguy hiểm là gì? Kể tên những tình huống nguy hiểm mà em thường gặp trong cuộc sống? Trình bày cách ứng phó khi có hỏa hoạn.

*** Bài tập tình huống**

Bài 1: Ngay từ đầu năm học, Liên đã lập cho mình thời gian biểu và nghiêm túc thực hiện hàng ngày. Nhiều bạn trong lớp cho Liên là làm việc máy móc nhưng Liên lại nghĩ rằng như thế mới tiết kiệm được thời gian và làm được nhiều việc.

- a) Em có tán thành với suy nghĩ và việc làm của Liên không? Vì sao?
- b) Nếu là một thành viên của lớp, em sẽ khuyên các bạn như thế nào?

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ 6

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. Nội dung ôn tập:

HS ôn tập các kiến thức trọng tâm sau:

Bài 14: Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc.

Bài 15: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển biến của xã hội Âu Lạc.

II. Một số dạng câu hỏi:

1. Trắc nghiệm:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu 1: Ý nào dưới đây thể hiện điểm khác biệt trong tổ chức bộ máy nhà nước thời An Dương Vương so với thời Hùng Vương?

- A. Vua đứng đầu nhà nước, nắm mọi quyền hành.
- B. Giúp việc cho vua có các lạc hầu, lạc tướng.
- C. Cả nước chia thành nhiều bộ, do lạc tướng đứng đầu.
- D. Nhà nước được tổ chức chặt chẽ hơn, vua có quyền hơn trong việc trị nước.

Câu 2: Ngày giỗ tổ Hùng Vương hàng năm vào

- A. Ngày mùng 9-3 âm lịch hàng năm.
- B. Ngày mùng 10-3 âm lịch hàng năm.
- C. Ngày mùng 3-10 âm lịch hàng năm.
- D. Ngày mùng 8-3 âm lịch hàng năm.

Câu 3: Nước Văn Lang ra đời vào khoảng thế kỉ

- A. V TCN. B. VI TCN. C. VII TCN. D. VIII TCN.

Câu 4: Kinh đô của nước Âu Lạc đóng ở

- A. Luy Lâu (Bắc Ninh ngày nay). B. Phong Châu (Phú Thọ ngày nay).
- C. Đông Anh (Hà Nội ngày nay). D. Mê Linh (Hà nội ngày nay).

Câu 5: Người Lạc Việt, người Âu Việt hợp nhất thành một nước có tên gọi là

- A. Văn Lang. B. Âu Việt. C. Lạc Việt. D. Âu Lạc.

Câu 6: Người đứng đầu các chiềng, chạ thời Hùng Vương gọi là gì?

- A. Lạc hầu. B. Lạc tướng. C. Bò chính. D. Xã trưởng.

Câu 7: Cư dân Văn Lang, Âu Lạc chủ yếu sống bằng

- A. sản xuất thủ công nghiệp. B. nghề nông trồng lúa nước.
- C. buôn bán qua đường biển. D. nghề khai thác lâm sản.

Câu 8: Thức ăn hàng ngày của cư dân Văn Lang, Âu Lạc bao gồm:

- A. Cơm nếp, rau quả, thịt, cá. B. Cơm nếp, cơm tẻ, rau, cà, thịt, cá.
- C. Rau khoai, đậu, ngô, khoai, sắn. D. Khoai, đậu, tôm, cá, ngô.

Câu 9: Sự tích “Trầu, cau” và “Bánh chưng, bánh giầy” phản ánh phong tục gì của cư dân Văn Lang:

- A. Ăn trầu, gói bánh chưng, bánh giầy trong ngày lễ hội.
- B. Nhảy múa, hát ca, đua thuyền trong ngày lễ hội.
- C. Lễ hội, vui chơi được tổ chức thường xuyên.
- D. Trồng lúa nước và lấy đó làm lương thực chính.

Câu 10: Về mặt tín ngưỡng, cư dân Văn Lang – Âu Lạc có tục

- A. thờ cúng tổ tiên. B. thờ thần - vua. C. ướp xác. D. thờ chúa Giê-su.

Câu 11: Nhà nước Văn Lang chia làm bao nhiêu bộ?

- A. 15 bộ. B. 16 bộ. C. 17 bộ. D. 18 bộ.

Câu 12: Vũ khí đặc sắc của nước Âu Lạc là

- A. Nỏ Liên Châu. B. Mũi lao. C. Rìu. D. Súng thần công.

Câu 13: Nội dung nào sau đây **không đúng** về nước Văn Lang?

- A. Tổ chức nhà nước còn sơ khai.
- B. Đã có luật pháp thành văn và chữ viết.
- C. Địa bàn chủ yếu ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.
- D. Chưa có quân đội, luật pháp.

Câu 14: Đặc điểm nổi bật của tình hình nước ta từ năm 179 TCN đến thế kỉ X là

- A. bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ.
- B. chế độ phong kiến Việt Nam được hình thành và phát triển.
- C. sự hình thành và phát triển của nhà nước Âu Lạc.
- D. quá trình mở rộng lãnh thổ về phía Nam của người Việt.

Câu 15: Thành cổ Luy Lâu thuộc tỉnh nào của Việt Nam ngày nay:

- A. Hà Nội.
- B. Bắc Ninh.
- C. Thanh Hóa.
- D. Nghệ An.

Câu 16: Chính quyền đô hộ cấp Quận của nhà Hán ở nước ta từ sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng có:

- A. 1 quận.
- B. 2 quận.
- C. 3 quận.
- D. 4 quận.

Câu 17: Tầng lớp trong xã hội sẽ đóng vai trò lãnh đạo người Việt đấu tranh giành lại được quyền độc lập, tự chủ trong thời kì Bắc thuộc là

- A. Quan lại người Hán đã Việt hóa.
- B. Địa chủ người Việt.
- C. Hào trưởng bản địa.
- D. Nông dân làng xã.

Câu 18: Chính quyền đô hộ của người Hán được thiết lập tới tận cấp huyện từ thời kì nào?

- A. Nhà Hán.
- B. Nhà Triệu.
- C. Nhà Ngô.
- D. Nhà Đường.

Câu 19: Nghề thủ công mới nào xuất hiện ở Việt Nam thời Bắc thuộc?

- A. Đúc đồng.
- B. Làm gốm.
- C. Làm giấy.
- D. Làm gỗ.

Câu 20: Thời Bắc thuộc, đứng đầu các châu là ai?

- A. Thứ sử người Hán.
- B. Vua người Hán.
- C. Hào trưởng người Việt.
- D. Thái thú người Hán.

Câu 21: Triệu Đà chiếm được Âu Lạc vào năm:

- A. 179 TCN.
- B. 197 TCN.
- C. 189 TCN.
- D. 198 TCN.

Câu 22: Mâu thuẫn bao trùm trong xã hội nước ta thời Bắc thuộc là

- A. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với chính quyền đô hộ.
- B. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với quý tộc người Việt.
- C. mâu thuẫn giữa quý tộc Việt Nam với chính quyền đô hộ.
- D. mâu thuẫn giữa nông dân Việt Nam với chính quyền đô hộ.

Câu 23: Sắp xếp tổ chức chính quyền của nhà Hán ở Giao Châu theo thứ tự từ trung ương đến địa phương

- A. Huyện, châu, quận, làng, xã.
- B. Làng, xã, huyện, quận, châu.
- C. Châu, quận, huyện, làng, xã.
- D. Quận, huyện, châu, làng, xã.

Câu 24: Các triều đại phong kiến phương Bắc đã thực hiện chính sách cai trị về chính trị đối với người Việt như thế nào?

- A. Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc.

B. Bắt người Việt công nạp sản vật quý.

C. Nắm độc quyền về muối và sắt.

D. Di dân Hán tới ở lẫn với người Việt.

Câu 25: Cuộc khởi nghĩa đầu tiên của nhân dân Âu Lạc chống ách đô hộ của phong kiến phương Bắc là

A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

B. Khởi nghĩa Lý Bí.

C. Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ.

D. Khởi nghĩa Ngô Quyền.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng/sai:

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mừng mười tháng Ba”

Lễ hội đền Hùng tại Phú Thọ được tổ chức vào ngày 10 tháng Ba âm lịch hằng năm. Đây là dịp người dân Việt Nam tưởng nhớ công lao dựng nước của các Vua Hùng, thể hiện đạo lý truyền thống “uống nước nhớ nguồn” và tinh thần đại đoàn kết. Năm 2012, UNESCO đã ghi danh Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 10, Bộ Cánh diều, NXB Đại học Sư phạm, tr. 55*)

a. Đoạn tư liệu trên đã tóm tắt lại một tác phẩm văn học dân gian của nước ta.

b. Ngày giỗ tổ mừng 10 tháng Ba âm lịch hằng năm nhằm tưởng nhớ công lao dựng nước của các Vua Hùng.

c. Ngày giỗ tổ mừng 10 tháng Ba âm lịch lần đầu tiên được tổ chức vào năm 2012 khi tín ngưỡng này được UNESCO ghi danh.

d. Tín ngưỡng thờ Quốc Tổ Hùng Vương là tín ngưỡng duy nhất của Việt Nam hiện nay đã phát huy cao độ truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Trước đây, những người làm thú sữ thấy đất châu (Giao Chỉ) có các thú ngọc trai, lông chim trả, tê, voi, đồi mồi, hương liệu, gỗ tốt, nhiều người không liêm khiết, vơ vét của cải cho đầy, rồi lại xin đổi đi”.

(*Theo Đại Việt sử kí toàn thư (bản dịch), Tập 1, NXB Khoa học xã hội, tr. 180*)

a. Đoạn trích mô tả sự phong phú của các sản vật tự nhiên tại vùng đất Giao Chỉ thời Bắc thuộc.

b. Các viên quan cai trị (thú sữ) đều là những người thanh liêm, chú trọng phát triển kinh tế cho vùng đất này.

c. Các quan lại phương Bắc chỉ coi Giao Chỉ là nơi để làm giàu bất chính thay vì cai trị lâu dài.

d. Nhân dân ta đứng lên khởi nghĩa chống lại ách đô hộ do chính sách bóc lột, vơ vét của quan lại cai trị.

Phần III. Câu hỏi tự luận:

Câu 1: Em hãy trình bày đời sống vật chất và đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang - Âu Lạc? Kể tên các phong tục từ thời Văn Lang, Âu Lạc còn được duy trì đến ngày nay?

Câu 2: Lập bảng hệ thống kiến thức về nhà nước Văn Lang - Âu Lạc theo các tiêu chí sau:

	Nhà nước Văn Lang	Nhà nước Âu Lạc
<i>Thời gian ra đời</i>		
<i>Kinh đô</i>		
<i>Đứng đầu nhà nước</i>		
<i>Quốc phòng</i>		

Câu 3: Ở Việt Nam thời Bắc thuộc, tầng lớp nào trong xã hội sẽ là thủ lĩnh của những cuộc đấu tranh giành độc lập cho người Việt? Vì sao?

Câu 4: Chính quyền phong kiến phương Bắc đã thực hiện chính sách cai trị văn hoá như thế nào? Tại sao chính quyền phương Bắc lại thực hiện chính sách đồng hóa dân tộc Việt?

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. Nội dung ôn tập:

HS ôn tập các kiến thức trọng tâm sau:

Bài 17: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu.

Bài 19: Thủy quyển. Vòng tuần hoàn lớn của nước.

Bài 20: Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà.

Bài 21: Biển và đại dương

Bài 22: Lớp đất trên trái đất.

II. Một số dạng câu hỏi:

1. Trắc nghiệm:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu 1: Trên bề mặt Trái Đất có bao nhiêu đới ôn hòa?

- A. 1 đới. B. 2 đới. C. 3 đới. D. 4 đới.

Câu 2: Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên trong khu vực đới nóng?

- A. Tây ôn đới. B. Gió mùa. C. Tín phong. D. Đông cực.

Câu 3: Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào sau đây?

- A. Một đới nóng, hai đới ôn hòa, hai đới lạnh.
 B. Hai đới nóng, một đới ôn hòa, hai đới lạnh.
 C. Một đới nóng, hai đới ôn hòa, một đới lạnh.
 D. Hai đới nóng, hai đới ôn hòa, một đới lạnh.

Câu 4: Biến đổi khí hậu là những thay đổi của

- A. khí hậu. B. sông ngòi. C. khí hậu. D. địa hình.

Câu 5: Đâu không phải là một biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu?

- A. Trồng nhiều cây xanh. B. Sử dụng phương tiện công cộng.
 C. Khai thác khoáng sản. D. Hạn chế dùng túi ni-lông.

Câu 6: Trên Trái Đất nước ngọt chiếm khoảng

- A. 30,1%. B. 2,5%. C. 97,5%. D. 67,8%.

Câu 7: Nước trên Trái Đất phân bố chủ yếu ở

- A. biển và đại dương. B. các dòng sông lớn.
C. ao, hồ, vũng vịnh. D. băng hà, khí quyển.

Câu 8: Nước luân di chuyên giữa

- A. đại dương, biển và lục địa. B. đại dương, lục địa và không khí.
C. lục địa, biển, sông và khí quyển. D. lục địa, đại dương và ao, hồ.

Câu 9: Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất **không** tồn tại ở trạng thái nào sau đây?

- A. Rắn. B. Quán dèo. C. Khí. D. Lỏng.

Câu 10: Ngày nào sau đây được lấy là ngày nước thế giới?

- A. Ngày 22/6. B. Ngày 22/3. C. Ngày 22/9. D. Ngày 22/12.

Câu 11: Hệ thống sông bao gồm

- A. chi lưu và sông chính. B. phụ lưu, chi lưu và lưu vực.
C. phụ lưu và sông chính. D. sông chính, phụ lưu và chi lưu.

Câu 12: Hồ nào sau đây ở nước ta có nguồn gốc hình thành từ một khúc sông cũ?

- A. Hồ Thác Bà. B. Hồ Ba Bể. C. Hồ Trị An. D. Hồ Tây.

Câu 13: Ở vùng đất đá thấm nước, nguồn nước nào sau đây có vai trò đáng kể trong việc điều hòa chế độ nước sông?

- A. nước biển. B. nước sông, hồ. C. nước mưa. D. nước ngầm.

Câu 14: Băng hà chiếm bao nhiêu phần trăm trữ lượng nước ngọt của Trái Đất?

- A. 60%. B. 70%. C. 80%. D. 90%.

Câu 15: Hồ và sông ngòi **không** có giá trị nào sau đây?

- A. Thủy sản. B. Giao thông. C. Du lịch. D. Khoáng sản

Câu 16: Hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương gọi là

- A. sóng biển. B. dòng biển. C. sóng ngầm. D. thủy triều.

Câu 17: Nước biển và đại dương có mấy sự vận động

- A. 1 vận động. B. 2 vận động. C. 3 vận động. D. 4 vận động.

Câu 18: Sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời là nguyên nhân chủ yếu hình thành hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

- A. Sóng biển. B. Dòng biển. C. Sóng ngầm. D. Thủy triều.

Câu 19: Nguyên nhân chủ yếu gây ra sóng thần là do?

- A. Bão, lốc xoáy trên các đại dương. B. Chuyển động của dòng khí xoáy.
C. Sự thay đổi áp suất của khí quyển. D. Động đất ngầm dưới đáy biển.

Câu 20: Đâu **không phải** dấu hiệu sắp có sóng thần?

- A. Trời quang, mây tạnh, biển lặng.
B. Mực nước biển hạ nhanh đột ngột.
C. Nước biển nổi bong bóng, có mùi khó chịu.
D. Chim chóc hoảng loạn bay ra biển.

Câu 21: Nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng trong đất là

- A. khí hậu. B. địa hình. C. đá mẹ. D. sinh vật.

Câu 22: Các thành phần chính của lớp đất là

- A. không khí, nước, chất hữu cơ và vô cơ.
B. cơ giới, không khí, chất vô cơ và mùn.
C. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.
D. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

Câu 23: Các nhóm đất có sự khác biệt rất lớn về

- A. màu sắc, chất khoáng, độ phì và bề dày.
B. màu sắc, thành phần, độ xốp và bề dày.
C. màu sắc, chất khoáng, độ xốp và bề dày.
D. màu sắc, chất hữu cơ, độ xốp và độ phì.

Câu 24: Dựa vào thành phần nào trong đất để xác định đất ẩm hay khô?

- A. Rễ cây và không khí. B. Nước.
C. Không khí và nước. D. Mùn.

Câu 25: Đâu không phải là biện pháp làm tăng độ phì của đất?

- A. Xới đất. B. Sử dụng phân hóa học.
C. Đốt rừng làm nương, rẫy. D. Sử dụng phân hữu cơ.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng/sai:

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau:

Nhiệt độ trung bình trên Trái Đất đã tăng thêm khoảng $0,7^{\circ}\text{C}$ kể từ khi bắt đầu thời kì cách mạng công nghiệp và hiện nay vẫn đang tiếp tục tăng.

Trong vòng 250 năm, từ năm 1750 đến năm 2000, nồng độ khí cac-bo-nic trong khí quyển đã tăng lên khoảng 28%, tính trung bình tổng lượng cac-bo-nic trong khí quyển tăng từ 0,5% đến 1% mỗi năm.

Trong giai đoạn 1901-2010, mực nước biển đã dâng trung bình trên toàn cầu là 0,19 m với tốc độ trung bình 1,7 mm/năm.

(Lịch sử & Địa lí 6, bộ Cánh diều, NXB Đại học Sư Phạm, tr. 160)

- a. Nhiệt độ trung bình Trái Đất hiện nay đã ổn định và không còn tăng thêm.
b. Trong 250 năm (1750 - 2000), nồng độ khí cac-bo-nic đã tăng thêm khoảng 28%.
c. Với tốc độ dâng 1,7 mm/năm, sau mỗi thập kỷ (10 năm) mực nước biển sẽ cao thêm 17 mm.
d. Con số 0,19m là mức nước biển dâng lên tính riêng trong năm 2010.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau:

Trên các sườn đồi, sườn núi, ta có thể gặp mạch nước ngầm chảy ra, nước trong và mát. Mạch nước ấy còn gọi là nguồn, cấp nước cho các dòng suối nhỏ.

Bằng cách đào hoặc khoan giếng đến tầng chứa nước, người ta có thể hút được nước ngầm lên để sử dụng cho các mục đích sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ nghỉ dưỡng....

(Lịch sử & Địa lí 6, bộ Cánh diều, NXB Đại học Sư Phạm, tr. 168)

- a. Mạch nước ngầm chảy ra từ các sườn đồi, sườn núi còn được gọi là nguồn.
b. Nước ngầm chỉ được sử dụng cho mục đích sinh hoạt của con người.

- c. Việc đào hoặc khoan giếng là cách để tiếp cận tầng chứa nước ngầm.
- d. Nếu các mạch nước ngầm khô cạn, các dòng suối nhỏ sẽ mất đi nguồn cấp nước.

Phần II. Câu trắc tự luận:

Câu 1: Trình bày khái quát đặc điểm của đới nóng? Vì sao đới nóng có nhiệt độ cao?

Câu 2: Hãy nêu những biểu hiện của biến đổi khí hậu trên Trái Đất. Lấy ví dụ về khí hậu Trái Đất đang bị biến đổi?

Câu 3: Nguyên nhân nào dẫn đến ô nhiễm nguồn nước ngầm? Làm thế nào để bảo vệ nguồn nước ngầm?

Câu 4: Dựa vào đâu để phân biệt mùa lũ và mùa cạn của một con sông? Chế độ nước sông có ảnh hưởng như thế nào tới sản xuất nông nghiệp?

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II - MÔN: TIN HỌC 6 NĂM HỌC 2025 – 2026

A. LÝ THUYẾT:

- **Bài 9.** An toàn thông tin trên Internet
- **Bài 10:** Sơ đồ tư duy
- **Bài 11:** Định dạng văn bản

B. BÀI TẬP MINH HOẠ:

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Em làm gì với các mật khẩu dùng trên mạng của mình.

- A. Cho bạn bè biết mật khẩu để nếu mất còn hỏi bạn.
- B. Sử dụng cùng mật khẩu cho mọi thứ.
- C. Thay đổi mật khẩu thường xuyên và không cho bất cứ ai biết.
- D. Đặt mật khẩu dễ đoán cho khỏi quên.

Câu 2: Nếu bạn thân của em muốn mượn tên đăng nhập và mật khẩu tài khoản trên mạng của em để sử dụng trong một thời gian, em sẽ làm gì?

- A. Cho mượn ngay không cần điều kiện gì.
- B. Cho mượn nhưng yêu cầu bạn phải hứa là không được dùng để làm việc gì không đúng.
- C. Cho mượn 1 ngày thôi rồi lấy lại, chắc không có vấn đề gì.
- D. Không cho mượn, bảo bạn tự tạo một tài khoản riêng, nếu cần em có thể hướng dẫn.

Câu 3: Em truy cập mạng để xem tin tức thì ngẫu nhiên xem được một video có hình ảnh bạo lực mà em rất sợ. Em nên làm gì?

- A. Đóng video và tiếp tục xem tin tức coi như không có chuyện gì.
- B. Chia sẻ cho bạn bè để dọa các bạn.
- C. Thông báo cho cha mẹ và thầy cô giáo về điều đó.
- D. Mở video đó và xem.

Câu 4: Để bảo vệ dữ liệu trên máy tính khi dùng internet, em cần làm gì?

- A. Cài đặt và cập nhật phần mềm chống virus.
- B. Tải các phần mềm ứng dụng không rõ nguồn gốc về máy tính.
- C. Cung cấp thông tin cá nhân trên mạng xã hội.
- D. Truy cập vào các liên kết lạ.

Câu 5: Khi sử dụng lại các thông tin trên mạng cần lưu ý đến vấn đề là:

- A. Các từ khóa liên quan đến thông tin cần tìm.
- B. Các từ khóa liên quan đến trang web.
- C. Địa chỉ của trang web.
- D. Bản quyền.

Câu 6: Việc làm nào được khuyến khích khi sử dụng các dịch vụ internet?

- A. Mở thư điện tử do người lạ gửi.
- B. Tải các phần mềm miễn phí không được kiểm duyệt.
- C. Liên tục vào các trang mạng xã hội để cập nhập những tin tức hot.
- D. Vào trang web để tìm tài liệu học tập.

Câu 7: Điều không phải là quy tắc sử dụng Internet an toàn?

- A. Giữ an toàn.
- B. Gặp gỡ thường xuyên.
- C. Kiểm tra độ tin cậy.
- D. Đừng chấp nhận.

Câu 8: Hành động nào sau đây là đúng?

- A. Luôn chấp nhận lời mời kết bạn của người lạ.
- B. Nói với bố mẹ và thầy cô về việc em bị đe dọa qua mạng.
- C. Chia sẻ cho các bạn những video bạo lực.
- D. Đăng thông tin không đúng về một người bạn cùng lớp lên mạng xã hội.

Câu 9: Em nên sử dụng webcam khi nào?

- A. Không bao giờ sử dụng webcam.
- B. Khi nói chuyện với những người em biết trong thế giới thực như bạn học, người thân,...
- C. Khi nói chuyện với những người em chỉ biết qua mạng.
- D. Khi nói chuyện với bất kì ai.

Câu 10: Mật khẩu nào sau đây của bạn Nguyễn Văn An là chưa đủ mạnh?

- A. Nguyen_Van_An_2020.
- B. Nguyenvanan1234@.
- C. 12345678.
- D. Nguyen_Van_An&.

Câu 11: Thông tin trong sơ đồ tư duy thường được tổ chức thành:

- A. Tiêu đề, đoạn văn.
- B. Chủ đề chính, chủ đề nhánh.
- C. Mở bài, thân bài, kết luận.
- D. Chương, bài, mục.

Câu 12: Sơ đồ tư duy gồm các thành phần:

- A. Bút, giấy, mực.
- B. Phần mềm máy tính.
- C. Từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, đường nối, màu sắc,...
- D. Con người, đồ vật, khung cảnh,...

Câu 13: Nhược điểm của việc tạo sơ đồ tư duy theo cách thủ công là gì?

- A. Khó sắp xếp, bố trí nội dung.
- B. Hạn chế khả năng sáng tạo.
- C. Không linh hoạt để có thể làm ở bất cứ đâu, đòi hỏi công cụ khó tìm kiếm.
- D. Không dễ dàng trong việc mở rộng, sửa chữa và chia sẻ cho nhiều người.

Câu 14: Sơ đồ tư duy là gì?

- A. Một sơ đồ trình bày thông tin trực quan bằng cách sử dụng từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, các đường nối để thể hiện các khái niệm và ý tưởng.
- B. Văn bản của một vở kịch, bộ phim hoặc chương trình phát sóng.
- C. Bản vẽ kiến trúc một ngôi nhà.
- D. Một sơ đồ hướng dẫn đường đi.

Câu 15: Để tạo sơ đồ tư duy em cần phải:

- A. Vẽ chủ đề chính ở bên phải tờ giấy để tiện kết nối chủ đề chính với các chủ đề phụ.
- B. Tạo nhánh từ các chủ đề phụ.
- C. Thêm từ khóa, tạo các nhánh và chọn màu khác nhau.
- D. Xác định chủ đề chính, tạo nhánh, thêm từ khóa và chọn màu khác nhau cho nhánh.

Câu 16: Phát biểu nào không phải là ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy bằng phần mềm máy tính?

- A. Có thể sắp xếp, bố trí với không gian rộng mở, dễ sửa chữa, thêm bớt nội dung.
- B. Có thể chia sẻ được cho nhiều người.
- C. Có thể làm ở bất cứ đâu, không cần công cụ hỗ trợ.
- D. Có thể kết hợp và chia sẻ để sử dụng cho các phần mềm máy tính khác.

Câu 17: Người ta thường dùng sơ đồ tư duy để:

- A. Học các kiến thức mới.
- B. Không cần phải suy nghĩ gì thêm khi học tập.
- C. Ghi nhớ tốt hơn.
- D. Bảo vệ thông tin cá nhân.

Câu 18: Sơ đồ tư duy không hỗ trợ được em điều gì trong học tập?

- A. Hệ thống hóa kiến thức, tìm ra mối liên hệ giữa các kiến thức.
- B. Sáng tạo, giải quyết các vấn đề trong học tập.
- C. Ghi nhớ nhanh các kiến thức đã học.
- D. Ghi nhớ lời giảng của thầy cô.

Câu 19: Hãy sắp xếp các bước tạo sơ đồ tư duy:

1. Viết chủ đề chính ở giữa tờ giấy. Dùng hình chữ nhật, elip hay bất cứ hình gì em muốn bao xung quanh chủ đề chính.
2. Phát triển thông tin chi tiết cho mỗi chủ đề nhánh, lưu ý sử dụng từ khóa hoặc hình ảnh.
3. Từ chủ đề chính, vẽ các chủ đề nhánh.
4. Có thể tạo thêm nhánh con khi bổ sung thông tin vì sơ đồ tư duy có thể mở rộng về mọi phía.

Các bước tạo sơ đồ tư duy đúng là:

- A. 1 - 2 - 3 - 4.
- B. 1 - 3 - 2 - 4.
- C. 4 - 3 - 1 - 2.
- D. 4 - 1 - 2 - 3.

Câu 20: Ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy thủ công trên giấy là gì?

- A. Dễ sắp xếp, bố trí, thay đổi, thêm bớt nội dung.
- B. Sản phẩm tạo ra dễ dàng sử dụng cho các mục đích khác nhau.
- C. Sản phẩm tạo ra nhanh chóng, dễ dàng chia sẻ cho nhiều người ở các địa. điểm khác nhau.
- D. Có thể thực hiện ở bất cứ đâu, chỉ cần giấy và bút. Thể hiện được phong cách riêng của người tạo.

Câu 21: Các phần văn bản được phân cách nhau bởi dấu ngắt đoạn được gọi là:

- A. Dòng.
- B. Trang.
- C. Đoạn.
- D. Câu.

Câu 22: Thao tác nào không phải là thao tác định dạng văn bản?

- A. Thay đổi kiểu chữ thành chữ nghiêng.
- B. Chọn chữ màu xanh.
- C. Căn giữa đoạn văn bản.
- D. Thêm hình ảnh vào văn bản.

Câu 23: Một văn bản gồm có bao nhiêu lề?

- A. 3 lề.
- B. 4 lề.
- C. 5 lề.
- D. 2 lề.

Câu 24: Khổ giấy phổ biến được sử dụng trong word là:

- A. A1.
- B. A2.
- C. A3.
- D. A4.

Câu 25: Phần mềm soạn thảo văn bản không có chức năng nào sau đây?

- A. Nhập văn bản.
- B. Sửa đổi, chỉnh sửa văn bản.
- C. Lưu trữ và in văn bản.
- D. Chỉnh sửa hình ảnh và âm thanh.

Câu 26: Việc phải làm đầu tiên khi muốn thiết lập định dạng cho một đoạn văn bản là:

- A. Vào thẻ Home, chọn nhóm lệnh Paragraph.
- B. Cần phải chọn toàn bộ đoạn văn bản.
- C. Đưa con trỏ soạn thảo vào vị trí bất kì trong đoạn văn bản.
- D. Nhấn phím Enter.

Câu 27: Phát biểu nào sau đây đúng:

- A. Khi soạn thảo văn bản trên máy tính, em luôn phải trình bày văn bản ngay khi gõ nội dung.
- B. Khi gõ nội dung, khi hết dòng máy tính không tự động xuống dòng.
- C. Khi soạn thảo văn bản trên máy tính, em có thể sửa lỗi trong văn bản sau khi gõ xong nội dung hoặc bất cứ lúc nào em cảm thấy cần thiết.
- D. Em chỉ có thể trình bày nội dung văn bản bằng một vài phong chữ nhất định.

Câu 28: Thao tác nào sau đây không thực hiện được sau khi dùng lệnh File/Print để in văn bản?

- A. Nhập số trang cần in.
- B. Chọn khổ giấy in.
- C. Thay đổi lề của đoạn văn bản.
- D. Chọn máy in để in nếu máy tính được cài đặt nhiều máy in.

Câu 29: Bạn An đang định in trang văn bản, theo em khi đang ở chế độ in, An có thể làm gì?

- A. Xem tất cả các trang văn bản.
- B. Chỉ có thể thấy trang văn bản mà An đang làm việc.
- C. Chỉ có thể thấy các trang không chứa hình ảnh.
- D. Chỉ có thể thấy trang đầu tiên của văn bản.

Câu 30: Trong phần mềm soạn thảo văn bản Word 2010, lệnh Portrait dùng để

- A. Chọn hướng trang đứng.
- B. Chọn hướng trang ngang.
- C. Chọn lề trang.
- D. Chọn lề đoạn văn bản.

Câu 31: Phát biểu nào sai về việc tạo được sơ đồ tư duy tốt?

- A. Các đường kẻ càng ở gần hình ảnh trung tâm thì càng trở nên tô màu đậm hơn và kích thước dày hơn.
- B. Nên dùng các đường kẻ cong thay vì các đường thẳng.
- C. Nên bố trí thông tin đều quanh hình ảnh trung tâm.
- D. Không nên sử dụng màu sắc trong sơ đồ tư duy vì màu sắc làm người xem mất tập trung vào vấn đề chính.

Câu 32: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô thích hợp của bảng sau:

Phát biểu	Đúng (Đ)/ Sai (S)
Phần mềm soạn thảo văn bản chỉ có thể cài đặt được trên máy tính.	
Có nhiều loại phần mềm soạn thảo văn bản khác nhau.	
Em không thể làm việc cộng tác với người khác trên cùng một văn bản ở bất cứ đâu.	

Em không thể chỉnh sửa lại văn bản sau khi đã lưu.	
Sơ đồ tư duy giúp chúng ta tiết kiệm thời gian nắm bắt một vấn đề	
Sơ đồ tư duy giúp chúng ta liên kết thông tin, giúp não bộ lưu trữ được nhiều thông tin một cách khoa học nhất.	
Sơ đồ tư duy giúp giải quyết vấn đề, ví dụ giải một bài toán.	
Với cùng một nội dung, cùng một yêu cầu tạo sơ đồ tư duy thì hai người khác nhau sẽ tạo ra hai sơ đồ tư duy giống nhau.	

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu 1. Nêu tác hại và nguy cơ khi dùng Internet? Em hãy đưa ra một số biện pháp để sử dụng Internet một cách an toàn.

Câu 2: Sơ đồ tư duy là gì? Nêu tác dụng của sơ đồ tư duy?

Câu 3: Điền từ hoặc cụm từ sau vào chỗ chấm thích hợp để được câu đúng: tất cả, bốn; ngang; lề dưới; lề trang.

- Ta có thể chọn hướng trang đứng hoặc hướng trang cho một trang văn bản.
- Một trang văn bản gồm có: lề trên,, lề trái, lề phải.
- Lề của đoạn văn bản được tính từ đến mép (trái hoặc phải) của đoạn văn bản.
- Việc thiết đặt lề cho một trang văn bản sẽ tác động đến các trang còn lại của văn bản đó.

Câu 4: Nêu các bước in văn bản?

Câu 5: Làm thế nào để sử dụng mạng xã hội và chia sẻ thông tin trên Internet có hiệu quả?

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ II MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Năm học: 2025 -2026

I. NỘI DUNG

1. Bài tập trong SGK (Cả dạng trắc nghiệm và tự luận)

2. Lý thuyết

- Nêu một số đại diện của nấm dựa vào cấu trúc của cơ quan bào tử.
- Trình bày vai trò của nấm trong tự nhiên và đời sống.
- Nêu một số bệnh do nấm gây ra. Em hãy đưa ra các biện pháp phòng tránh bệnh do nấm gây ra ở người.
- Phân biệt hai nhóm thực vật có mạch và không có mạch.
- Trình bày vai trò của thực vật trong tự nhiên và đời sống.
- Phân biệt hai nhóm động vật có xương sống và không có xương sống.
- Nêu vai trò và một số tác hại của động vật trong đời sống.
- Phân biệt dung dịch, huyền phù và nhũ tương. Cho ví dụ.
- Nêu vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong đời sống. Nêu các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI:

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1. Điều kiện môi trường thuận lợi cho hầu hết các loại nấm phát triển là

A. khô hanh. **B.** ẩm và khô ráo. **C.** nóng và khô ráo. **D.** ẩm và ẩm ướt.

Câu 2. Có thể dựa vào đặc điểm nào sau đây để phân biệt nhóm Động vật không xương sống và Động vật có xương sống?

A. Bộ xương ngoài. **B.** Vỏ calium. **C.** Xương cột sống. **D.** Lớp vỏ.

Câu 3. Đặc điểm nào không được dùng để phân loại các nhóm Thực vật?

A. Có mạch dẫn hoặc không có mạch dẫn. **B.** Có rễ hoặc không có rễ.
C. Có hoa hoặc không có hoa. **D.** Có hạt hoặc không có hạt.

Câu 4. Cho các hành động sau:

- (1) Khai thác gỗ
- (2) Xử lí rác thải
- (3) Bảo tồn động vật hoang dã
- (4) Du canh, du cư
- (5) Định canh, định cư
- (6) Xây dựng các khu công nghiệp nặng

Những hành động nào gây suy giảm sự đa dạng sinh học?

A. (1),(2),(3) **B.** (1), (4), (6) **C.** (4),(5),(6) **D.** (2), (3), (5)

Câu 5. Ví dụ nào dưới đây nói về vai trò của động vật với tự nhiên?

- A.** Động vật cung cấp nguyên liệu phục vụ cho đời sống.
B. Động vật giúp con người bảo vệ mùa màng.
C. Động vật có thể sử dụng để làm đồ mỹ nghệ, đồ trang sức.
D. Động vật giúp thụ phấn và phát tán hạt cây.

Câu 6. Nhóm thực vật nào tiến hóa nhất về sinh sản?

A. Hạt trần **B.** Hạt kín **C.** Dương xỉ **D.** Rêu

Câu 7. Ở dương xỉ, ỏ túi bào tử thường nằm ở đâu?

A. Trong kẽ lá. **B.** Trên đỉnh ngọn. **C.** Mặt dưới của lá. **D.** Mặt trên của lá.

Câu 8. Loài chim nào dưới đây thuộc nhóm chim bơi?

A. Đà điểu. **B.** Chào mào. **C.** Chim cánh cụt. **D.** Đại bàng.

Câu 9. Nhóm động vật nào sau đây có số lượng loài lớn nhất?

A. Nhóm ruột khoang. **B.** Nhóm cá. **C.** Nhóm chân khớp. **D.** Nhóm giun.

Câu 10. Cơ quan sinh sản của ngành Hạt trần được gọi là gì?

A. Rễ. **B.** Hoa. **C.** Nón. **D.** Bào tử.

Câu 11. Đặc điểm nào dưới đây không phải của giới Nấm?

A. Nhân thực. **B.** Dị dưỡng. **C.** Đơn bào hoặc đa bào. **D.** Có sắc tố quang hợp.

Câu 12. Đặc điểm cơ thể chia 3 phần, cơ thể phân đốt, đối xứng hai bên, bộ xương ngoài bằng chitin là của nhóm ngành nào?

A. Chân khớp. **B.** Giun đốt. **C.** Cá. **D.** Lưỡng cư.

Câu 13. Loài động vật nào dưới đây thuộc lớp Bò sát?

A. Cá mập. **B.** Cá sấu. **C.** Cá cóc. **D.** Cá voi.

Câu 14. Tập hợp các loài nào sau đây thuộc lớp Động vật có vú (Thú)?

A. Gấu, mèo, dê, cá heo. **B.** Bò, châu chấu, sư tử, voi.
C. Cá voi, vịt trời, rùa, thỏ. **D.** Tôm, muỗi, lợn, cừu.

Câu 15. Nhóm thực vật nào dưới đây có đặc điểm có mạch, không noãn, không hoa?

A. Dương xỉ. **B.** Rêu. **C.** Hạt trần. **D.** Hạt kín.

Câu 16. Trong các nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là?

- A. Cây nhãn, cây hoa ly, cây bào tằm, cây vạn tuế.
- B. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.
- C. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ôi, cây rêu.
- D. Cây mít, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa.

Câu 17. Mặt nước ao, hồ có màu xanh vào cuối xuân, đầu hè không phải do

- A. tảo.
- B. trùng roi xanh.
- C. rêu.
- D. trùng biến hình.

Câu 18. Đâu không phải là cơ chế giúp thực vật có thể hạn chế xói mòn?

- A. Tạo chất dinh dưỡng, phù sa bồi đắp cho đất ven bờ biển.
- B. Rễ cây giúp giữ đất không bị rửa trôi trước sức chảy của dòng nước.
- C. Cành và thân cây giúp nước mưa chảy xuống lớp thảm mục, ngấm vào lòng đất và hoà cùng mạch nước ngầm.
- D. Tán cây giúp cản dòng nước mưa dội trực tiếp vào bề mặt đất.

Câu 19. Trong các thực vật sau, loại nào cơ thể có cả hoa, quả và hạt?

- A. Cây vạn tuế.
- B. Cây thông.
- C. Cây bưởi.
- D. Rêu tản.

Câu 20. Các động vật thuộc lớp Lưỡng cư thường sống gần những nơi ẩm ướt để

- A. chúng dễ săn mồi.
- B. chúng lẫn trốn kẻ thù.
- C. tạo điều kiện thuận lợi cho việc hô hấp qua da.
- D. chúng bảo vệ rừng và con non tốt hơn.

Câu 21. Thực vật được chia thành các ngành nào?

- A. Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm.
- B. Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín.
- C. Nấm, Rêu, Tảo và Hạt kín.
- D. Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết.

Câu 22. Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO₂.
- B. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO₂.
- C. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO₂ và O₂.
- D. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O₂.

Câu 23. Đặc điểm nào sau đây giúp phân biệt bò sát với lưỡng cư?

- A. Có lông mao bao phủ.
- B. Đẻ trứng.
- C. Da khô, có vảy sừng.
- D. Hô hấp bằng mang.

PHẦN II. Trắc nghiệm Đúng/Sai

Câu 1. Các phát biểu sau là đúng hay sai?

- a) Rêu có mạch, có rễ thật và sinh sản bằng bào tử.
- b) Dựa vào vị trí của hạt để phân biệt hạt kín và hạt trần.
- c) Ở Việt Nam đã phát hiện 10 400 loài thực vật.
- d) Thực vật có mạch dẫn được chia thành 2 ngành.

Câu 2. Các nhận định sau về đặc điểm của rêu là đúng hay sai?

- a) Rễ giả là những sợi nhỏ.
- b) Thân, lá có mạch dẫn.
- c) Thích nghi với nhiều môi trường sống.
- d) Sinh sản bằng bào tử.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn.

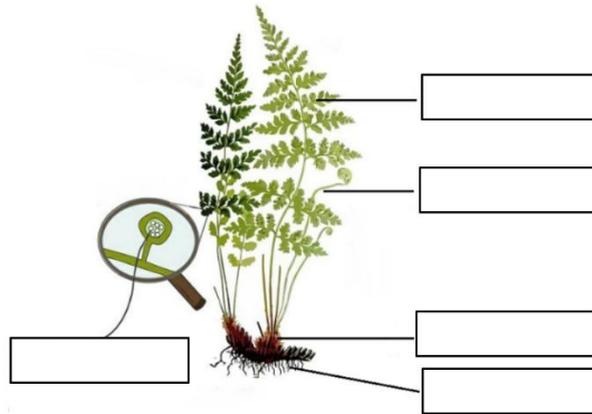
Câu 1. Cho các loài động vật sau: Thủy tức, Giun kim, Éch giun, Rắn, Cá ngựa, Bạch tuộc, Tôm, Rùa, Dế mèn, Cá chép, Hàu, Đĩa, Hến. Có bao nhiêu loài thuộc nhóm động vật không xương sống?

Câu 2. Trong khi làm bánh mì, người ta cho men nở (nấm men) vào bột để bột phồng lên. Nấm men tham gia quá trình này được cấu tạo từ bao nhiêu tế bào?

PHẦN IV. Tự luận.

Câu 1. Nêu cách phân biệt nấm độc và nấm thường?

Câu 2. Xác định các bộ phận tương ứng về cấu tạo của cây dương xỉ



Câu 3. Thực vật có vai trò gì đối với động vật và con người? Tại sao ở vùng ven biển và ven đê người ta trồng nhiều cây xanh?

Câu 4. Nêu dấu hiệu nhận biết của các ngành thuộc nhóm động vật không xương sống? Lấy ví dụ mỗi ngành một số loài động vật đại diện.

Câu 5. Khi ăn các loại thức ăn kém vệ sinh, trứng giun hoặc ấu trùng sán sẽ đi vào cơ thể người và sinh sôi. Theo em, giun, sán gây ra những tác hại gì cho sức khỏe con người? Nêu các biện pháp để phòng ngừa giun, sán cho người?

Câu 6. Cá heo và cá voi đều sống dưới nước và được gọi là cá, tuy nhiên chúng lại không được xếp vào lớp Cá mà xếp vào lớp Thú. Em hãy giải thích tại sao chúng lại không được xếp vào lớp Cá.

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II MÔN NGỮ VĂN 6

Năm học 2025 – 2026

Ôn tập kiến thức đã học từ tuần 17 đến tuần 24 (SGK Ngữ văn 6 tập 2)

I. Kiến thức trọng tâm

1. Văn bản:

+ Thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

+ Truyện đồng thoại

+ Truyện cổ tích

* Yêu cầu nắm được nội dung, những nét đặc trưng của các thể loại, ý nghĩa của văn bản, tóm tắt được truyện theo các sự việc chính; xác định được thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp,... của văn bản thơ.

2. Tiếng Việt:

Học sinh ôn lại các kiến thức tiếng Việt đã học: Từ và cấu tạo từ tiếng Việt, cụm từ, từ đa nghĩa, từ đồng âm, một số biện pháp tu từ như: nhân hóa, so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, ...

* Yêu cầu:

- Nhận biết được các đơn vị kiến thức tiếng Việt cơ bản.
- Nêu vai trò, tác dụng của các đơn vị kiến thức.
- Vận dụng kiến thức trong thực hành nói và viết

3. Viết: Văn tự sự.

* Yêu cầu:

- Nắm vững thể loại văn tự sự.
- Lập dàn ý và viết bài văn tự sự hoàn chỉnh.

II. Cấu trúc đề kiểm tra: 80% tự luận; 20% trắc nghiệm (8 câu).

III. Một số bài tập tham khảo

Phần I: Đọc hiểu

Bài 1: Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

CUỘC PHIÊU LƯU CỦA ONG VÀNG

“...Đội ong cấp cứu đã đến, họ lục đục đi lại, chạm râu vào nhau thì thâm bàn bạc. Ai đó gõ răng vào vách của tôi, bắn khoăn nghe ngóng. Tôi cố gắng lắm mới khỏi bật cười. Trò đùa tinh quái ấy kéo dài một lúc lâu. Đến khi ngoài ngấn tổ chợt im lặng, rồi một giọng trầm trầm lọt vào:

- Có chuyện gì vậy? Cháu bé?

Tôi im thin thít, giọng bên ngoài trở nên lo lắng hơn.

- Cháu có cần bác giúp gì không?

- Trong này nóng lắm! – Tôi nói.

- À! – Có nhiều tiếng đập cánh nhẹ nhõm.

- Không sao cả, cháu cần cần nắp tổ để mở cửa ra cho khí trời lọt vào, như thế dễ chịu lắm.

- Các bác mở cửa cho cháu!

Bên ngoài có tiếng thì thào như bàn bạc, rồi vẫn giọng ban nãy:

- Cháu đau ở đâu? Ở răng phải không?

- Không ạ.

- Ở chân à?

- Không ạ.

- Hừ, cánh cháu có làm sao không?

- Không - tôi bắt đầu gất - cháu chẳng thích, các bác mở cửa ra cơ.

- À. Thế lại là chuyện khác. - Có tiếng giậm chân tức giận.

- Cháu bé ạ, cháu phải tự mình chui ra, các bác chỉ mở cửa giúp các cháu yếu sức. Chẳng ai nhiều thì giờ đâu. Nếu không cháu đành nằm trong đó vậy.

- Không, cháu bé nhất nhà cơ mà!

- Ai cũng từng bé nhất nhà. Đừng vội vĩnh nữa!

[...] Ngay lúc ấy, tôi bỗng nghe giọng trầm trầm lúc chiều.

- Cháu đã tự mở cửa ra, không nhờ người khác, thế là tốt.

Tôi im lặng, vừa buồn vừa giận.

- Cháu tưởng đàn quên mình rồi ư? Không. Nhà đã cử bác trông nom cháu. Bác đã đứng đây từ chiều.

- Sao bác không lên tiếng? - Tôi nghi ngờ hỏi.

- Lên tiếng ư? Bác mà dõ dành nệm nệm thì cháu chẳng chịu ra - bác ông thợ cười rung đôi râu - bác muốn cháu ngay từ bé đã trở thành một ông thợ dững cảm, tự mình vượt qua trở ngại chứ không phải sống để chờ đợi sự giúp đỡ của ông khác.

Lời khuyên đầu tiên tôi nghe được như vậy. Tôi không sao quên được nó, dù sau này cuộc sống còn dạy dỗ nhiều điều khác nữa."

(Trích Chương I – Cuộc phiêu lưu kì lạ của Ông Vàng, Vũ Duy Thông)

Câu 1: Đoạn trích trên được viết theo thể loại nào?

- A. Truyện ngắn
- B. Truyện cổ tích
- C. Truyện truyền thuyết
- D. Truyện đồng thoại

Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt chính, ngôi kể và nhân vật chính của đoạn trích?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 3: Trong đoạn trích, tại sao đội ong cấp cứu lại đến bên ngăn tổ của Ông Vàng?

- A. Vì muốn tổ chức một bữa tiệc bất ngờ cho Ông Vàng.
- B. Để dạy Ông Vàng cách bay ngay khi vừa ra khỏi tổ.
- C. Vì họ tưởng Ông Vàng gặp vấn đề về sức khỏe và cần được hỗ trợ.
- D. Để phá nắp tổ giúp Ông Vàng chui ra ngoài nhanh hơn.

Câu 4: Trong câu: "*Họ lục đục đi lại, chạm râu vào nhau thì thăm bàn bạc.*", những từ nào là từ láy?

- A. Lục đục, đi lại, bàn bạc.
- B. Lục đục, thì thăm, bàn bạc.
- C. Thì thăm, bàn bạc, chạm râu.
- D. Lục đục, đi lại, thì thăm.

Câu 5: Thái độ của bác ông thợ khi Ông Vàng nhất quyết không tự chui ra là gì?

- A. Lo lắng và vội vàng phá cửa tổ để cứu cháu.
- B. Giận chân tức giận và yêu cầu Ông Vàng tự chui ra
- C. Vui vẻ chấp nhận và chờ đợi Ông Vàng đổi ý.
- D. Bỏ đi ngay lập tức mà không nói thêm lời nào.

Câu 6: Đây là nhận xét đúng về tính cách của Ông Vàng ở đầu đoạn trích?

- A. Tinh quái, hay vội vĩnh và chưa có tính tự lập.
- B. Cần cù, chịu khó và luôn lắng nghe lời người lớn.
- C. Nhút nhát, sợ hãi và không dám tiếp xúc với người lạ.
- D. Dững cảm, ham học hỏi và thích khám phá thế giới.

Câu 7: Bài học quan trọng nhất mà Ong Vàng nhận được từ bác ong thợ là gì?

- A. Phải tự mình vượt qua trở ngại chứ không chờ đợi sự giúp đỡ của người khác
- A. Phải biết ơn những người đã giúp đỡ mình trong lúc khó khăn.
- B. Nên lắng nghe ý kiến của đám đông trước khi làm một việc gì đó.
- C. Phải biết giữ im lặng khi có người lạ đến gần tổ.

Câu 8: Khi bác ong thợ nói "Chẳng ai nhiều thì giờ đâu", bác muốn Ong Vàng hiểu điều gì về cuộc sống xung quanh?

- A. Mọi người đều có công việc riêng, chúng ta không nên làm phiền người khác.
- B. Các bác ong thợ đang rất vội vàng để đi chơi nên không muốn giúp đỡ Ong Vàng.
- C. Thế giới bên ngoài rất đáng sợ và không có ai quan tâm đến nhau.
- D. Ong Vàng nên nằm trong tổ thật lâu để tiết kiệm thời gian cho các bác ong khác.

Câu 9: Chỉ ra và nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ trong câu văn: "*Đội ong cấp cứu đã đến, họ lục đục đi lại, chạm râu vào nhau thì thăm bàn bạc.*"

Câu 10: Qua đoạn trích trên, tác giả muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì?

Bài 2: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

CÂY ĐÀ

Làng em có cây đa

Bên nương nước giữa đồng

Lá xanh dòng nước bạc

Biển lúa vàng mênh mông

Dưới bóng đa, con trâu

Thong thả nhai hương lúa

Đứng đỉnh đàn bò về

Lông hồng như đóm lửa

Cây đa gọi gió đến

Cây đa vẫy chim về

Đa mỗi ngày một lớn

Và nuôi thêm nhiều ve

Trưa nắng lóa trên đầu

Các bác làm nghỉ mát

Vòm đa rì rào xanh

Ve kêu, muôn lá quạt...

(Trần Đăng Khoa, trích "Góc sân và khoảng trời")

Câu 1: Xác định thể thơ, các phương thức biểu đạt của văn bản trên.

Câu 2: Trong khổ thơ đầu, hình ảnh "làng em" hiện lên như thế nào?

Câu 3: Chỉ ra các từ láy được tác giả sử dụng trong bài thơ.

Câu 4: Hãy giải thích nghĩa của từ "thong thả" trong văn bản trên. Đặt một câu có sử dụng từ đó.

Câu 5: Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ: "*Cây đa gọi gió đến/ Cây đa vẫy chim về*"?

Câu 6: Hình ảnh cây đa trong bài thơ khơi gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì với quê hương?

Bài 3: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

CÂU CHUYỆN VỀ CHIM ÉN VÀ DẾ MÈN

“Mùa xuân, đất trời đẹp. Trông Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị: Hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.

Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “O hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”. Nghĩ là làm. Nó bèn há mồm ra và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.”

(Theo Đoàn Công Lê Huy, “Trò chuyện đầu tuần”, báo Hoa học trò số 1056. 21/4/2014)

Câu 1. “Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn” được viết theo thể loại nào?

- A. Truyện cổ tích.
- B. Truyện đồng thoại.
- C. Truyền thuyết.
- D. Truyện ngắn

Câu 2. Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất số nhiều
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ hai
- D. Ngôi thứ nhất số ít

Câu 3. Chim Én giúp Dế Mèn đi chơi bằng cách nào?

- A. Chim Én cõng Dế Mèn trên lưng cùng bay đi.
- B. Dế Mèn đi một mình, còn Chim Én bay trên cao chỉ đường.
- C. Hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô, Dế Mèn ngậm vào giữa.
- D. Hai Chim Én ngậm một cọng cỏ khô, Dế Mèn leo lên lưng Chim Én.

Câu 4. Tại sao Chim Én muốn đưa Dế Mèn cùng đi chơi?

- A. Vì Chim Én thấy Dế Mèn trong dáng vẻ tội nghiệp.
- B. Vì trời mùa xuân đang rất đẹp.
- C. Vì Dế Mèn đang buồn bã và cô đơn.
- D. Vì Dế Mèn đang cần đến sự giúp đỡ của Chim Én.

Câu 5. Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu: “Nó bèn há mồm ra và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.” là gì?

- A. Giúp sự vật trở nên sinh động, tăng tính gợi hình, gợi cảm.
- B. Giúp sự vật trở nên sống động, gần gũi với con người.
- C. Giúp nhấn mạnh sự việc, tạo nhịp điệu cho câu văn.
- D. Giúp cách diễn đạt trở nên dễ hiểu, tăng hiệu quả diễn đạt.

Câu 6. Trong những từ sau, từ nào **không phải** từ láy?

- A. tội nghiệp
- B. thơ thẩn
- C. nồng nàn
- D. miên man

Câu 7: Hãy chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong câu: “Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời.”

- A. So sánh.
- B. Điệp ngữ.
- C. Ẩn dụ.
- D. Nhân hóa.

Câu 8: Hành động của hai Chim Én khi giúp Dế Mèn thể hiện phẩm chất gì?

- A. Khiêm tốn
- B. Kiên trì
- C. Nhân ái.
- D. Dũng cảm.

Câu 9:

- a. Em hãy giải thích nghĩa của từ “*sáng kiến*” trong câu “*Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị*”. Đặt một câu với từ “*sáng kiến*”.
- b. Em có đồng ý với cử chỉ và hành động của Dế Mèn trong câu chuyện không? Vì sao?

Câu 10: Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản “*Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn*” bằng một đoạn văn (khoảng 5-7 câu).

Bài 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

RỒI CƠN MƯA SẼ TẠNH

Rồi cơn mưa sẽ tạnh

Bầu trời tươi sáng hơn

Đàn chim non tung cánh

Lượn bay trên cánh đồng

Rồi cơn mưa sẽ tạnh

Dòng sông xanh bình thường

Qua tháng ngày lũ lụt

Con sóng vờn yêu thương

Rồi cơn mưa sẽ tạnh

Hoa xinh khoe sắc hồng

Chú bướm chao cánh mỏng

Giữa nắng vàng mênh mông

Rồi cơn mưa sẽ tạnh

Gió xuân ùa trên đê

Em vui cùng bè bạn

Hân hoan đón Tết về.

(Nguyễn Lãm Thắng)

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ lục bát B. Thơ năm chữ C. Thơ tự do D. Thơ bốn chữ

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 3. Chủ đề của bài thơ trên là gì?

- A. Quang cảnh quê hương sau những ngày mưa lụt.
 B. Miêu tả cơn mưa vào mùa xuân
 C. Cảnh sắc thiên nhiên khi trời mưa.
 D. Quang cảnh quê hương trước khi trời đổ mưa

Câu 4. Câu thơ: “*Con sóng vờn yêu thương*” sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. So sánh B. Nhân hóa C. Ẩn dụ D. Điệp ngữ

Câu 5. Các từ nào được gieo vần với nhau trong khổ thơ sau:

Rồi cơn mưa sẽ tạnh

Dòng sông xanh bình thường

Qua tháng ngày lũ lụt

Con sóng vờn yêu thương?

- A. tạnh – thường B. thường – lụt C. lụt – thương D. thường - thương

Câu 6. Từ nào sau đây không cùng loại với các từ còn lại?

- A. tung B. lượn C. vờn D. xinh

Câu 7. Từ nào sau đây **không phải** từ ghép?

A. cánh đồng B. cơn mưa C. mệnh mông D. yêu thương

Câu 8. Trong những câu thơ dưới đây, câu thơ nào sử dụng yếu tố miêu tả?

A. Hoa xinh khoe sắc hồng B. Em vui cùng bè bạn
C. Rồi cơn mưa sẽ tạnh D. Hân hoan đón Tết về

Câu 9. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong bài thơ.

Câu 10. Qua bài thơ trên kết hợp với thực tế đời sống, trình bày cảm nhận của em về quang cảnh nơi em sống sau một trận mưa rào bằng một đoạn văn khoảng 5 câu.

Bài 5: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Thuở xa xưa có một vị sa hoàng thường xuyên đi công cán xa. Sa hậu thường ngóng đợi, rồi ước sinh hạ được tiểu công chúa đẹp tuyệt trần. Khi điều ước ấy thành sự thực thì sa hoàng cũng về, nhưng vừa vượt cạn xong thì sa hậu cũng kiệt sức mà lìa đời.

Qua năm sau, sa hoàng tục huyền với một đức bà thông minh sắc sảo. Bà ta có một chiếc gương biết rõ chuyện xưa nay nên thường hỏi nó rằng ai người đẹp nhất trần. Gương hay đem những lời nịnh mà ru vỗ bà hoàng.

Tới năm công chúa đến tuổi cập kê, sa hoàng chuẩn bị cử hành hôn lễ nàng với hoàng tử lân bang Yelisey. Bấy giờ gương đã thốt ra rằng, nhan sắc bà hoàng dù đẹp mà còn kém xa công chúa. Bà liền sai con hầu Chernavka dụ công chúa vào rừng rồi trói lại cho sói xơi tái.

Con hầu hăm hở ra đi, nhưng khi nom công chúa đáng thương quá, bèn dặn nàng chạy đi thật xa, rồi ả về lâu đài bảm rằng công chúa đã bị sói vồ. Sa hoàng biết chuyện thì rất đau lòng, còn hoàng tử Yelisey bèn ruổi ngựa phiêu lưu khắp thế gian với đức tin rằng công chúa chưa chết. Phần công chúa ra khỏi rừng rậm thì thấy một căn nhà gỗ rất rộng, bèn vào đấy định nghỉ tạm. Thế rồi sẩm tối, trong lúc nàng thêm thiếp trên giường, bỗng có bảy người lực lưỡng vào nhà và cho hay là chủ nhân đích thực.

Từ đó công chúa được bảy tráng sĩ mời ở lại phụ họ dọn dẹp, nấu ăn mỗi ngày. Cho tới một hôm, bảy anh em đồng thanh hỏi nàng có ưng ai trong họ thì gả nghĩa làm chồng. Nàng chỉ buồn bã đáp rằng đã có vị hôn phu và khước từ. Thời gian lâu sau, bà hoàng lại hỏi gương, được biết rằng công chúa vẫn bình an, bèn khảo con hầu Chernavka, ả phải khai rằng đã để công chúa đi. Bà liền bắt con hầu cải trang làm người bán rong đi tìm công chúa.

Con hầu Chernavka dò la rồi cũng biết chỗ ở mới của công chúa, bèn xách một giỏ táo chín mọng tới gõ cửa. ả mời gọi công chúa và biểu nàng trái chín mọng nhất. Công chúa vừa cắn một miếng đã lịm đi. Đến sẩm tối, bảy tráng sĩ về thì hay có sự, bèn đặt công chúa trong cỗ áo quan bằng pha lê rồi rước lên đỉnh núi, những mong cả thế gian phải thán phục nhan sắc nàng công chúa chết.

Hoàng tử Yelisey chu du thám thoát đã lâu lắm, chàng đi hỏi thần ánh dương, thần ánh nguyệt, và thần gió, nhưng không ai biết công chúa ở đâu. Còn bà hoàng cả mừng vì gương cho hay rằng công chúa đã không còn nữa.

Cho tới khi đi ngang qua hẻm núi, Yelisey mới hay các tráng sĩ đang hành lễ truy điệu công chúa, bèn khẩn nài họ rước về hoàng cung. Nhưng khi đang đi thì họ vấp bờ đá suýt ngã, miếng táo từ miệng công chúa văng ra khiến nàng tỉnh dậy. Yelisey bèn đưa công chúa về lâu đài. Bấy giờ bà hoàng lại hỏi gương, thì nó đáp rằng công chúa chưa chết và còn đẹp hơn xưa, bà nổi cơn thịnh nộ đập tan chiếc gương. Trong hôn lễ công chúa với hoàng tử Yelisey, bà hoàng bỗng nổi cơn ghen tương mà chết điếng.

(Dẫn theo truyện “Nàng công chúa và bảy chàng hiệp sĩ”, Puskin kể)

Câu 1: Xác định ngôi kể và thể loại của văn bản trên.

Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của chi tiết kì ảo trong văn bản trên.

Câu 3: Qua văn bản, em có nhận xét gì về tính cách của mẹ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa.

Câu 4: Viết đoạn văn khoảng 5-7 dòng rút ra thông điệp từ câu chuyện này.

Phần II: Viết

Đề 1: Kể lại trải nghiệm hội chợ xuân của em

Đề 2: Kể lại trải nghiệm đáng nhớ vào dịp Tết của em.

Đề 3: Kể lại trải nghiệm đáng nhớ ở trường học của em.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II - MÔN: TOÁN 6 NĂM HỌC 2025 - 2026

A. LÝ THUYẾT

1. Số học

- + Số tự nhiên. Số nguyên.
- + Thực hiện các phép tính trong tập hợp số tự nhiên và số nguyên.
- + Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lí dữ liệu.
- + Biểu đồ tranh. Biểu đồ cột. Biểu đồ cột kép.
- + Xác suất thực nghiệm trong 1 số trò chơi và thí nghiệm đơn giản.

2. Hình học:

- + Điểm. Đường thẳng. Đoạn thẳng.
- + Hai đường thẳng cắt nhau. Hai đường thẳng song song.

B. BÀI TẬP

Dạng 1: Xác suất thống kê

Bài 1. Thời gian giải Toán (tính bằng phút) của 20 học sinh được ghi lại như sau:

4	9	5	6	10	6	7	4	8	9
8	9	6	8	9	5	7	6	5	10

a) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?

b) Lập bảng số liệu theo mẫu sau:

Thời gian (phút)	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	?	?	?	?	?	?	?

Bài 2. Học sinh ghi nhanh số xe máy có trong gia đình của từng bạn trong tổ vào bảng như sau:

3	2	2	1	1	3
4	2	1	1	2	2

a) Đối tượng thống kê là gì? Tiêu chí thống kê là gì?

b) Lập bảng số liệu theo mẫu sau:

Số xe máy	1	2	3	4
Số gia đình				

Bài 3. Bạn An gieo một xúc xắc 10 lần liên tiếp có kết quả như sau:

Lần gieo	Số chấm
1	3 chấm
2	2 chấm
3	5 chấm
4	6 chấm
5	2 chấm
6	1 chấm
7	3 chấm
8	3 chấm
9	5 chấm
10	6 chấm

a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt 3 chấm.

b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt có số chấm là số chẵn.

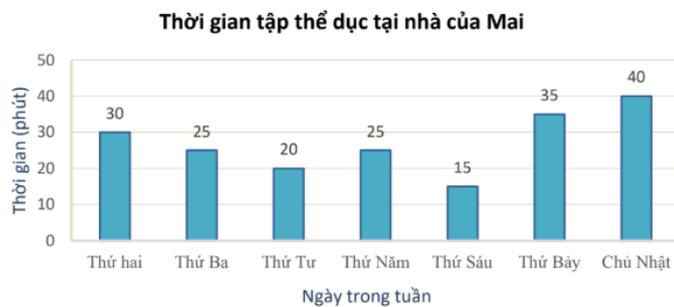
Bài 4. Đọc biểu đồ tranh biểu diễn số máy cày của 5 xã và trả lời các câu hỏi sau:

Xã	Số máy cày
Xã A	
Xã B	
Xã C	
Xã D	
Xã E	

( = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

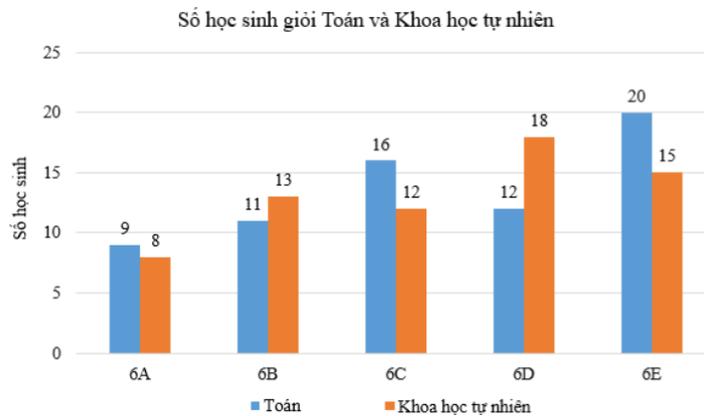
- Xã A có bao nhiêu máy cày?
- Xã nào có ít máy cày nhất? Xã nào có nhiều máy cày nhất?
- Tính chênh lệch số máy cày giữa xã C và xã D.
- Tính tổng số máy cày của 5 xã.

Bài 5. Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về thời gian tập thể dục tại nhà của Mai trong một tuần.



- Dựa vào biểu đồ, hãy lập bảng thống kê thời gian tập thể dục tại nhà của Mai trong một tuần.
- Vào ngày Thứ Bảy thời gian tập thể dục tại nhà của Mai là bao nhiêu?
- Ngày nào trong tuần Mai dành thời gian tập thể dục tại nhà nhiều nhất? Ngày nào trong tuần Mai dành thời gian tập thể dục tại nhà ít nhất?

Bài 6.



- Số học sinh giỏi Toán của lớp nào nhiều nhất? Số học sinh giỏi Toán của lớp nào ít nhất?
- Số học sinh giỏi Khoa học tự nhiên của lớp nào nhiều nhất? Số học sinh giỏi Khoa học tự nhiên của lớp nào ít nhất?
- Số học sinh giỏi môn Toán của lớp 6C chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng số học sinh giỏi môn Toán của cả 5 lớp?

Dạng 5: Hình học

Bài 1. Vẽ đường thẳng a .

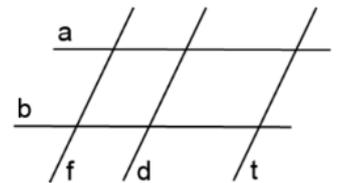
- Vẽ điểm M không nằm trên đường thẳng a .
- Vẽ điểm N nằm trên đường thẳng a .
- Điền kí hiệu \in ; \notin vào chỗ trống:

M a N a

Bài 2. Vẽ đường thẳng d . Lấy ba điểm G, H, I trên đường thẳng d . Hỏi có tất cả bao nhiêu đoạn thẳng? Kể tên các đoạn thẳng có trong hình vẽ.

Bài 3. Cho hình vẽ sau:

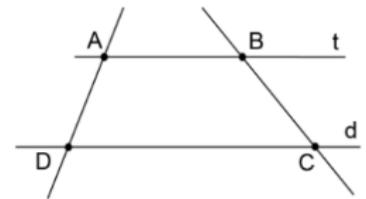
- Kể tên các cặp đường thẳng song song.
- Kể tên các cặp đường thẳng cắt nhau.



Bài 4. Cho hình vẽ sau:

- Kể tên các cặp đường thẳng song song.
- Kể tên các cặp đường thẳng cắt nhau và xác định giao điểm.
- Điền vào chỗ trống:

A t D t B d C d



Dạng 6: Một số bài toán nâng cao

Bài 1. Cho p là số nguyên tố lớn hơn 3. Chứng minh rằng: $(p^2 - 1):24$.

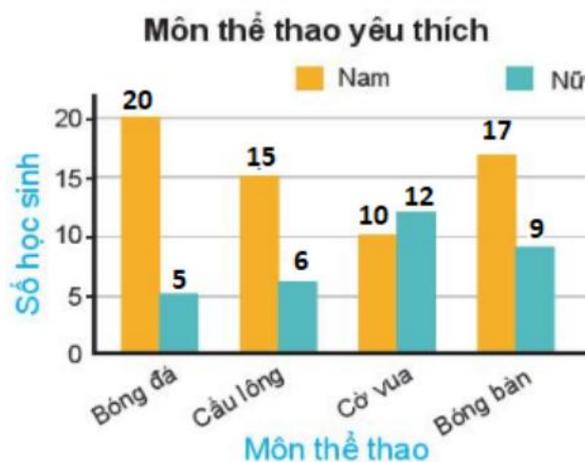
Bài 2. Tìm số tự nhiên n để $5n + 14$ chia hết cho $n + 2$.

Bài 3. So sánh 3^{99} và 11^{21} .

Bài 4. Tìm số nguyên n sao cho $6:(2n + 1)$.

ĐỀ ÔN LUYỆN SỐ 1

Bài 1. Cho biểu đồ cột kép sau biểu diễn các môn thể thao yêu thích của một số bạn học sinh.



- Môn thể thao nào được các bạn học sinh nữ thích nhiều nhất? Môn thể thao nào được các bạn học sinh nữ thích ít nhất?

b) Số học sinh nam thích môn cờ vua chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số học sinh nam?

Bài 2. Đạt gieo một con xúc xắc 6 mặt 7 lần và số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo như sau:

Lần	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6	Lần 7
Số chấm	1	1	5	6	3	3	4

a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt có 3 chấm.

b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt có số chấm là số nguyên tố.

Bài 3.

3.1. Thực hiện phép tính

a) $154 + 67 - 54 + 33$ b) $-72.17 + (-72).83$

c) $7.5^2 - 6.4^2$

3.2. Công ty A có lợi nhuận mỗi tháng trong quý I là -20 triệu đồng. Trong quý II lợi nhuận mỗi tháng của công ty là 50 triệu đồng. Hỏi sau 6 tháng đầu năm, lợi nhuận của công ty A là bao nhiêu tiền?

Bài 4. Trên đường thẳng d lấy ba điểm A, B, C theo thứ tự đó và lấy điểm O không nằm trên d .

a) Vẽ hình theo diễn đạt trên.

b) Kể tên một điểm nằm giữa hai điểm khác.

c) Có bao nhiêu nhóm ba điểm không thẳng hàng?

Bài 5. Tìm số nguyên n để $(n^2 + 3n + 6) : (n + 3)$.

ĐỀ ÔN LUYỆN SỐ 2

Bài 1. Biểu đồ tranh dưới đây cho biết về loại quả yêu thích của các bạn học sinh khối 6.



a) Loại quả nào được các bạn yêu thích nhiều nhất?

b) Có bao nhiêu bạn yêu thích quả cam?

c) Số bạn yêu thích quả dưa hấu nhiều hơn số bạn yêu thích quả táo là bao nhiêu?

Bài 2.

a) Nếu gieo một con xúc xắc 18 lần liên tiếp, trong đó có 3 lần xuất hiện mặt 1 chấm. Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm.

b) Nếu tung đồng xu 12 lần liên tiếp, trong đó có 5 lần xuất hiện mặt N. Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S.

Bài 3.

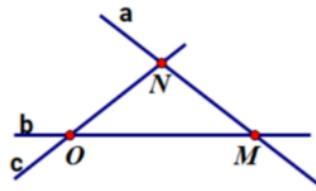
3.1. Thực hiện phép tính

a) $-(40 + 810 - 1500) + (-190 + 40)$

b) $(-101) + \{160 - 2 \cdot [(-5)^3 + (95 - 105)] : 5\}$

3.2. Bạn Hoa mang theo 200 000 đồng vào nhà sách mua đồ dùng học tập. Bạn mua 10 quyển tập mỗi quyển giá 6 000 đồng, 7 cây bút mỗi cây bút giá 3 000 đồng và một bộ sách giáo khoa giá 110 000 đồng. Hỏi bạn Hoa có đủ tiền mua các món hàng trên không? Thừa hay thiếu bao nhiêu tiền?

Bài 4. Cho hình vẽ sau:



a) Điền vào chỗ trống:

$N \dots\dots\dots a$ $O \dots\dots\dots b$ $M \dots\dots\dots c$ $N \dots\dots\dots c$

b) Kể tên các cặp đường thẳng cắt nhau và chỉ ra giao điểm của chúng.

Bài 5. Chứng minh rằng $A = 16^5 + 2^{15}$ chia hết cho 33.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ II - MÔN TIẾNG ANH 6 Năm học 2025 - 2026

A. THEORY:

1. Vocabulary related to the topics: television, sports and games, cities of the world.

2. Grammar:

- Conjunction words
- The past simple tense
- Possessive adjectives
- WH-question words
- Imperatives
- Possessive pronouns

3. Pronunciation

- Sounds: /θ/, /ð/, /e/, /æ/, /əʊ/, /əʊ/

B. EXERCISES:

PRACTICE TEST 1

Exercise 1: Listen to a talk and circle the best answer A, B, C or D. You will listen TWICE.

Question 1. What is the Eiffel Tower known as?

- A. A museum in Paris
- B. A famous symbol of France
- C. A river in Paris
- D. A type of French food

Question 2. How can visitors see the whole city from the Eiffel Tower?

- A. By climbing a mountain
- B. By taking an elevator to the top
- C. By riding a boat on the River Seine
- D. By visiting the Louvre Museum

Question 3. Which famous painting is in the Louvre Museum?

- A. Starry Night
- B. The Scream
- C. Mona Lisa
- D. The Last Supper

Question 4. What type of food is recommended in Paris?

- A. Sushi and ramen
- B. Burgers and fries
- C. Croissants and crepes
- D. Pizza and pasta

Question 5. Where can visitors find charming book stalls in Paris?

- A. Near the Eiffel Tower
- B. Along the River Seine

C. Inside the Louvre Museum D. In French restaurants

Question 6. What is the main theme of the passage?

- A. The history of France B. A guide to Paris attractions and food
C. How to paint like da Vinci D. The best way to learn French

Exercise 2: Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- Question 7.** A. thieves B. think C. thank D. this
Question 8. A. wealthy B. clothing C. weather D. bathing
Question 9. A. travel B. fantastic C. match D. education
Question 10. A. chess B. tennis C. racket D. exercise

Exercise 3: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 11. Tim is watching _____ so that's why he's laughing so loudly.
A. a drama B. a comedy C. the news D. sports

Question 12. A: "_____ can I buy some beef?" - B: "At the supermarket."
A. What B. Who C. Where D. When

Question 13. Did you watch the _____ programme about polar bear last night?
A. animal B. educational C. sports D. music

Question 14. You should buy a new _____ to play badminton.
A. pedal B. table C. racket D. shoe

Question 15. They _____ the bus yesterday.
A. didn't catch B. don't catch C. weren't catch D. not catch

Question 16. Where _____ your family _____ on the summer holiday last year?
A. did – go B. do – go C. does – go D. did – went

Question 17. The people in Quang Nam are proud of _____ ancient town, Hoi An.
A. theirs B. they C. their D. it

Question 18. Manchester is famous _____ its football teams.
A. in B. for C. with D. as

Question 19. Jimmy and Hana are talking about their weekend plans.
Jimmy: "Last week I played badminton with Alex, and I won for the first time." – Hana:
"

- A. Congratulations! B. Great idea! C. Yes, it is. D. Thanks a lot.

Exercise 4: Read the following instructions and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

GUIDELINES FOR VISITING MY HOUSE

When you visit my house, please be kind and polite to my family 20. _____ friends. Ask before you use things in the house, like the 21. _____, toys, or books. Keep the rooms clean, such as the living room, kitchen, and bedroom. 22. _____ quiet when someone is sleeping or studying. Follow the house rules so everyone feels happy, 23. _____, and welcome.

- Question 20.** A. and B. but C. so D. or
Question 21. A. television B. money C. meal D. cloth
Question 22. A. Have B. Look C. Study D. Be
Question 23. A. sad B. scared C. comfortable D. boring

Exercise 5: Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blank.

Dear John,

Come and see me next weekend. I'm 24. _____ in a house by the sea. Don't forget to bring your swimming costume with you! It isn't difficult to find a house. When you get to the crossroads in the town, 25. _____ right and drive to the end of the road. Be careful 26. _____ it is a dangerous road! Bring 27. _____ with you because it is cold in the evenings here. If I am not at home when you arrive, don't wait for me. The key of the house is under the 28. _____ in the garden.

Best wishes,

Vinh.

- Question 24.** A. to stay B. staying C. stay D. stayed

- Question 25.** A. turned B. make C. turn D. making
Question 26. A. so B. but C. or D. because
Question 27. A. some warm clothes B. some warm cloth
C. some cool clothes D. some cool cloth
Question 28. A. big white stone B. big stone white
C. stone big white D. white big stone

Exercise 6: Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

Question 29. You should put on your coat to protect yourself from the cold weather.

- A. It is very cold, but you should put on your coat.
B. Cold weather makes coats sell well.
C. It is very cold. Put on your coat.
D. Put on your coat, or the weather will be cold.

Question 30. My brother loves English. He joins an English club at his school.

- A. My brother loves English, but he joins an English club at his school.
B. My brother loves English, and he joins an English club at his school.
C. My brother loves English, he joins an English club at his school.
D. My brother loves English, so he joins an English club at his school.

Exercise 7: Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

Question 31. Lan/ not go/ cycling/ yesterday.

- A. Lan not went cycling yesterday. B. Lan wasn't go cycling yesterday.
C. Lan didn't go cycling yesterday. D. Lan didn't went cycling yesterday.

Question 32. How often/ she/ do/ aerobics with her friends?

- A. How often does she does aerobics with her friends?
B. How often does she do aerobics with her friends?
C. How often do she does aerobics with her friends?
D. How often is she does aerobics with her friends?

Exercise 8: Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

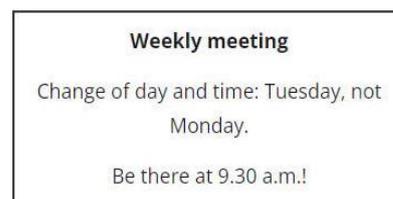
Question 33. What does the sign mean?

- A. You can go on the grass.
B. You can play on the grass.
C. Please stay on the grass.
D. Do not walk on the grass.



Question 34. What does the sign mean?

- A. The meeting is on Monday at 9.30 a.m.
B. The meeting doesn't usually start at 9.30 a.m.
C. There is a meeting every Tuesday morning.
D. There are meetings on both Monday and Tuesday morning.



Exercise 8: Read the passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions below.

Water polo is a new sport at our school, but we have a good team now. We practice after school on Thursday at the Northside Pool and we are doing well in the National Schools Competition.

There are seven players in a water polo team. The game is a bit like football because each team tries to score a goal with a ball. However, in water polo, you don't use your feet – you catch and throw the ball with one hand and you never stop swimming. A game lasts 32 minutes, and in that time, you swim up and down a 30-meter pool lots of times. If you aren't fit, water polo isn't the sport for you!

For me, it's great, because I love being in the water and I can swim **fast**, I also enjoy being part of a team. We have some excellent players and we are all good friends. Therefore, it's fun, and it's also a **fantastic** way to get fit.

Question 35. What is the main idea of this passage?

- A. Water polo is a difficult sport.
- B. The writer loves playing water polo.
- C. Water polo is a new but successful sport at the writer's school.
- D. The writer wants to quit playing water polo.

Question 36. How many players are there in a water polo team?

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8

Question 37. Which of the following is **NOT TRUE** in the passage?

- A. The writer's team practices every day.
- B. Water polo is played in a swimming pool.
- C. Players use their hands to catch and throw the ball.
- D. The game lasts 32 minutes.

Question 38. The word "**fantastic**" in the passage is CLOSEST in meaning to:

- A. boring
- B. amazing
- C. difficult
- D. normal

Question 39. The word "**fast**" in the passage is OPPOSITE in meaning to:

- A. strongly
- B. weakly
- C. slowly
- D. quickly

Question 40. What does the writer say about being part of the water polo team?

- A. It's boring and tiring.
- B. It's expensive and time-consuming.
- C. It's difficult and lonely.
- D. It's fun and a great way to get fit.

PRACTICE TEST 2

Exercise 1: Listen to a teenager talking about his favourite TV programme. Decide if the statements are true (T) or false (F). Circle T or F. You will listen TWICE.

Question 1. Why does the speaker watch TV most days of the week?

- A. It helps them sleep.
- B. It is the easiest thing to do after work.
- C. Their job requires it.
- D. They have nothing else to do.

Question 2. What type of programs does the speaker like to watch?

- A. Documentaries and the news
- B. Only reality shows
- C. Cartoons and dramas
- D. Sports and cooking shows

Question 3. What does the speaker like about watching the news?

- A. It helps them relax.
- B. It tells them what's happening in the world.
- C. It is very funny.
- D. It is a good way to meet new people.

Question 4. What is Big Brother about?

- A. A group of celebrities discussing world news
- B. A game show where people answer questions
- C. Real people living together in a house with cameras
- D. A documentary about famous actors

Question 5. What can viewers do when watching Big Brother?

- A. Enter the house and join the show
- B. Control the cameras inside the house
- C. Vote to remove people they don't like
- D. Choose new people to enter the house

Question 6. Why does the speaker enjoy watching Big Brother?

- A. They like voting people out of the house.
- B. They learn a lot from it.
- C. It helps them with their work.
- D. They want to be on the show.

Exercise 2: Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others.

Question 7. A. theatre B. thank C. there D. thirty

Question 8. A. how B. own C. ower D. olow

Question 9. A. brother B. breath C. either D. clothes

Question 10. A. clever B. education C. helpful D. equipment

Exercise 3: Choose the best answer.

Question 11. We _____ to Ho Chi Minh City for our last summer vacation.

- A. go
- B. went
- C. goed
- D. will go

Question 12. William is very _____. - He runs five kilometres every day.

- A. fit
- B. tall
- C. smart
- D. shy

Question 13. Music channel attracts millions of _____ throughout the country.

- A. characters B. writers C. reporters D. viewers

Question 14. We gave them _____ address, and they gave us _____.

- A. ours - their B. our - theirs C. our - their D. ours - theirs

Question 15. _____ do you watch the news programmes? - Four times a week.

- A. How often B. How long C. How many D. How much

Question 16. The new TV _____ broken, _____ they want to return it to the shop.

- A. is - but B. isn't - so C. is - so D. isn't - and

Question 17. _____ late because the match will start soon.

- A. Don't come B. Didn't come C. Not coming D. Won't come

Question 18. An. "Congratulations! You are the champion now." – Bao. " _____ "

- A. Thank you. B. It's ok.
C. Congratulations. D. You're welcome.

Exercise 4: Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

TRANSPORTATION LONG AGO

1. Before cars were invented, people traveled _____ (19) foot or by horse.
2. Journeys took much longer, and people would often _____ (20) weeks to reach their destination.
3. Roads were rough, and travelers had to _____ (21) many hardships.
4. Despite the difficulties, people still enjoyed _____ (22) journey itself and the landscapes they passed through.

Question 19. A. on B. by C. in D. with

Question 20. A. spend B. spent C. spending D. spends

Question 21. A. meet B. take C. face D. make

Question 22. A. a B. an C. the D. no article

Exercise 5: Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 23. What does the sign say?



- A. Bring a trash bin.
B. Don't litter here.
C. Don't pick up trash.
D. Litter here.

Question 24. What does the sign say?

- A. You pay less for all clothes at the store.
B. You can only buy trainers at the store.
C. You can find clothes for different seasons at the store
D. You pay more for all clothes at the store.

Sports store
All trainers half price!
New season football kit in!
New sports equipment!

Exercise 6: Read the text and circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions.

TELEVISION

Television is one of man's most important means of communication. It brings pictures and (25) _____ from around the world into millions (26) _____ homes. A person with a television set can sit in his house and watch the president makes a (27) _____ or visit a foreign country. He can see a war being fought and watch statesmen try to bring about peace.

Through television, home viewers (28) _____ see and learn about people, places and things in faraway land. Television even takes its viewers out of this world. For example, it (29) _____ viewers coverage of America's astronauts as the astronauts explore outer space.

Question 25. A. tone B. noise C. voice D. sound

Question 26. A. of B. for C. in D. about

Question 27. A. writing B. speech C. letter D. speak

Question 28. A. can B. could C. should D. must

Question 29. A. brings B. brought C. will bring D. bring

Exercise 7: Read the passage and answer the question.

The modern Olympic Games or Olympics are leading international sporting events. The Olympic Games are held every four years, with the Summer and Winter Games alternating by occurring every four years but two years apart.

The modern Olympic Games began with the creation of the International Olympic Committee (the IOC) in 1894 and Greece was the first country to hold the games, in the city of Athens, in 1896. Fourteen countries with 241 athletes **competed** in forty- three events. Although some people wanted to have the games in Athens every four years, the IOC decided to have them in different countries and cities. In 1900, they were held in Paris and women were allowed to compete in the games for the first time. The first Winter Olympic Games were held in 1924 and athletes competed in events such as skating and ice hockey. Over 200 countries now compete in the Summer Olympic Games. The number of events has **increased** to 200 events and instead of five-day competition, the games now last for seventeen days.

Question 30. What is the best title for the passage?

- A. The History of the Ancient Olympics B. A Short History of the Modern Olympics
C. Famous Olympic Athletes D. How to Join the Olympic Games

Question 31. When did the first modern Olympic Games begin?

- A. 1894 B. 1896 C. 1900 D. 1924

Question 32. Which city hosted the first modern Olympic Games?

- A. Paris B. Rome C. Athens D. London

Question 33. What is the CLOSEST of the word "competed" in the passage?

- A. Played B. Participated C. Practiced D. Trained

Question 34. What is the OPPOSITE of the word "increased" in the passage?

- A. Grew B. Expanded C. Decreased D. Added

Question 35. Which detail is NOT mentioned in the passage?

- A. The first Olympics had 241 athletes.
B. The Olympics now last for seventeen days.
C. The number of events in the Summer Olympics has increased.
D. The Olympic Games were once canceled due to war.

Exercise 8: Choose the sentence with the same meaning.

Question 36. I have a lot of homework. I can't enjoy the programme.

- A. I have a lot of homework, so I can't enjoy the programme.
B. I have a lot of homework, but I can't enjoy the programme.
C. I have a lot of homework, because I can't enjoy the programme.
D. I have a lot of homework, although I can't enjoy the programme.

Question 37. Shall we play basketball this weekend?

- A. What about we play basketball this weekend?
B. Why don't we playing basketball this weekend?
C. Let's to play basketball this weekend.
D. How about playing basketball this weekend?

Question 38. My classmates take part in a lot of outdoor activities.

- A. My classmates do many activities.
B. My classmates like a lot of outdoor activities.
C. My classmates join in a lot of outdoor activities.
D. My classmates do a lot of activities.

Exercise 9: Rearrange the words to make meaningful sentences.

Question 39. They/ play/ badminton/ their friends/ yesterday/

- A. They played badminton with their friends yesterday.
B. They play badminton with their friends yesterday.
C. They was played badminton with their friends yesterday.
D. They played badminton for their friends yesterday.

Question 40. Why/ you/ want to check/ the TV schedule?

- A. Why did you wanted to check the TV schedule?
B. Why do you want to check the TV schedule?
C. Why you want to check the TV schedule?
D. Why are you wanting to check the TV schedule?

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HK 2 - NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN: ÂM NHẠC K 6

* Ôn Tập bài hát:

1/ Mưa rơi.

2/Chỉ có một trên đời.

*Ôn Tập :Tập đọc nhạc số 3

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II MÔN: GDTC: 6,7,8 ,9
Năm học: 2025-2026

Khối 6: Nội dung ôn tập: **Thể Thao Tự Chọn (Cầu lông)**

Mức độ Đ: Học sinh thực hiện được đúng kĩ thuật đánh cầu thấp tay bên phải , bên trái và bài tập đánh cầu qua lại. Nam: 8/10 quả, Nữ: 6/10 quả.

Mức độ CD: Học sinh không thực hiện được đúng kĩ thuật đánh cầu thấp tay bên phải, bên trái và không hoàn thành bài tập đánh cầu qua lại. Nam: Dưới 7 quả, Nữ: Dưới 5 quả

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HKII MÔN MĨ THUẬT 6
Năm học 2025- 2026

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

HS ôn tập các thể loại tranh theo đề tài.

II. ĐỀ TÀI:

1. Tranh đề tài phong cảnh
2. Tranh đề tài học tập
3. Bưu thiếp chúc mừng
4. Tranh tĩnh vật
5. Vẽ tranh Ai cập cổ đại
6. Tranh vẽ chân dung
7. Mô hình ngôi nhà 3D

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II - KHỐI 6

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

- 1. Nguyên âm, phụ âm:** Bảng chữ cái tiếng Hàn, tập trung 11 nguyên âm ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅡ, ㅣ, ㅞ, ㅟ và 4 phụ âm ㅃ, ㅆ, ㅉ, ㅊ.
내, ㅓ, ㅕ và 4 phụ âm ㅃ, ㅆ, ㅉ, ㅊ.
- 2. Âm tiết:** nguyên âm mở rộng, phụ âm bật hơi là gì, vị trí của phụ âm hoặc “o câm” khi kết hợp với nguyên âm mở rộng.
- 3. Từ vựng liên quan:**
 - 노래: bài hát, 맥주: bia, 새: con chim, 베개: cái gối, 냄새: mùi, 벌레: con sâu, 비행기: máy bay, 냉장고: tủ lạnh
 - 자동차: ô tô, 주차장: bãi đỗ xe, 지하철: tàu điện ngầm, 택시: xe taxi, 기차: tàu hoả, 선풍기: quạt máy, 자판기: máy bán hàng tự động, 세탁기: máy giặt, 코: mũi, 표: vé, 책: sách, 친구: bạn bè, 아침: buổi sáng, 핸드폰: điện thoại di động, 침대: giường, 단추: cúc áo
 - 과일: hoa quả, 전화: điện thoại, 쥐: con chuột, 돼지: con lợn, 바위: đá, 바퀴: bánh xe, 영화: bộ phim, 주의: chú ý
- 4. Quy tắc phát âm: Nói âm, quy tắc phát âm của nguyên âm ‘-ㅣ’**

II. KỸ NĂNG

1. Phát âm và đọc hiểu

- Phát âm được các nguyên âm mở rộng, phụ âm bật hơi, các âm tiết ghép
- Đọc và nắm được nghĩa của các từ vựng đã học.

2. Nghe và viết

- Viết các nguyên âm, phụ âm đúng thứ tự các nét.
- Viết đúng vị trí của phụ âm đầu, nguyên âm ngang/dọc.
- Ghép âm đúng thứ tự và vị trí các nét.
- Viết các từ vựng đúng chính tả

ĐỀ MINH HOẠ GIỮA HỌC KỲ II KHỐI 6

Môn: Tiếng Hàn

I. 듣기 - NGHE

BÀI 1: NGHE VÀ CHỌN ÂM TIẾT ĐÚNG

1.

① 애 ② 패 ③ 얘 ④ 와

2.

① 체 ② 에 ③ 워 ④ 튀

3.

① 에 ② 포 ③ 와 ④ 캐

4.

① 예 ② 얘 ③ 위 ④ 튀

5.

① 외 ② 폐 ③ 에 ④ 최

6.

① 와 ② 차 ③ 왜 ④ 표

7.

① 예 ② 웨 ③ 위 ④ 워

8.

① 퇴 ② 피 ③ 캐 ④ 애

BÀI 2: NGHE VÀ CHỌN TỪ VỰNG ĐÚNG

9.

① 노래 ② 맥주 ③ 택시 ④ 침대

10.

① 아침 ② 냄새 ③ 자동차 ④ 선풍기

11.

① 쥐 ② 책 ③ 새 ④ 코

12.

- ① 선풍기 ② 비행기 ③ 세탁기 ④ 자판기

13.

- ① 과일 ② 친구 ③ 전화 ④ 영화

14.

- ① 쥐 ② 표 ③ 코 ④ 새

II. 읽기 - ĐỌC

BÀI 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG VỚI NGUYÊN ÂM, PHỤ ÂM ĐÃ CHO

15. Nguyên âm nào có cách phát âm là /oa/?

- ① ㅏ ② ㅑ ③ ㅡ ④ ㅜ

16. Phụ âm nào có cách phát âm là /kh/?

- ① ㅌ ② ㅋ ③ ㅍ ④ ㆁ

17. Phụ âm nào có cách phát âm là /th/?

- ① ㅍ ② ㅊ ③ ㅌ ④ ㅍ

18. Nguyên âm nào có cách phát âm là /uo/?

- ① ㅑ ② ㅓ ③ ㅜ ④ ㅗ

19. Nguyên âm nào phát âm là /uy/?

- ① ㅑ ② ㅓ ③ ㅡ ④ ㅓ

20. Nguyên âm nào có cách phát âm là /yu/?

- ① ㅜ ② ㅑ ③ ㅍ ④ ㅌ

21. Có bao nhiêu nguyên âm có cách phát âm là /uê/?

- ① 1 ② 2 ③ 3 ④ 4

22. “세탁기” có phụ âm bật hơi là:

- ① ㅌ ② ㅍ ③ ㆁ ④ ㅌ

23. “자동차” có phụ âm bật hơi là:

- ① ㅌ ② ㆁ ③ ㅌ ④ ㅍ

24. Nguyên âm nào có cách phát âm là /ui/?

- ① ㅟ
- ② ㅡ
- ③ ㅞ
- ④ ㅟ

25. Nguyên âm nào có cách phát âm là /ya/?

- ① ㅏ
- ② ㅑ
- ③ ㅓ
- ④ ㅕ

BÀI 2: CHỌN PHÁT ÂM ĐÚNG CỦA TỪ

26. “한국어”

- ① [한국어]
- ② [한구어]
- ③ [한구거]
- ④ [한국거]

27. “발음”

- ① [바름]
- ② [발름]
- ③ [바음]
- ④ [발음]

28. “좋아해요”

- ① [좋아해요]
- ② [조하해요]
- ③ [조아해요]
- ④ [조다해요]

29. “종이”

- ① [조이]
- ② [종이]
- ③ [조잉]
- ④ [오징]

30. “의사”

- ① [이사]
- ② [에사]
- ③ [의사]
- ④ [으사]

31. “희망”

- ① [희망]
- ② [히망]
- ③ [흐망]
- ④ [헤망]

32. “한의원”

- ① [한위원]
- ② [한늑원]
- ③ [한이원]
- ④ [하니원]

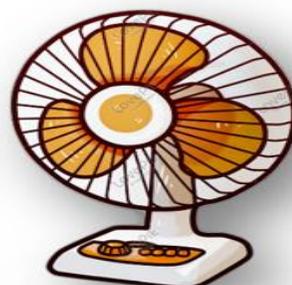
BÀI 3: NHÌN TRANH VÀ CHỌN TỪ TƯƠNG ƯNG

33.



- ① 노래
- ② 냄새
- ③ 친구
- ④ 책

34.



- ① 맥주
- ② 자동차
- ③ 선풍기
- ④ 쥐

35.



- ① 코
- ② 책
- ③ 새
- ④ 쥐

36.



- ① 맥주
- ② 쥐
- ③ 돼지
- ④ 바위

37.



- ① 아침
- ② 과일
- ③ 노래
- ④ 친구

38.



- ① 친구
- ② 영화
- ③ 바위
- ④ 침대

39.



- ① 친구
- ② 냄새
- ③ 노래
- ④ 책

III. 쓰기 - VIẾT

BÀI 1: DỰA VÀO PHỤ ÂM/ NGUYÊN ÂM ĐÃ CHO, HÃY VIẾT LẠI TỪ VỰNG

40. Tàu hỏa (ㅍ, ㅣ, ㅊ, ㅏ): _____

41. Taxi (ㅍ, ㅏ, ㅊ, ㅓ, ㅣ): _____

42. Giường (ㅊ, ㅣ, ㅓ, ㅕ, ㅏ): _____

43. Gói (ㅍ, ㅏ, ㅊ, ㅏ): _____

44. Bài hát (ㄴ, ㅓ, ㅕ, ㅏ): _____

45. Bàn bè (ㅊ, ㅣ, ㄴ, ㅊ, ㅏ): _____

46. Sách (ㅊ, ㅏ, ㅊ): _____

47. Con lợn (ㅕ, ㅏ, ㅊ, ㅣ): _____

BÀI 2: ĐIỀN ÂM TIẾT CÒN THIẾU VÀO Ô TRỐNG ĐỂ TẠO THÀNH TỪ VỰNG

48. Máy bay:

비		기
---	--	---

49. Tủ lạnh:

	장	고
--	---	---

50. Con lợn:

	지
--	---

51. Máy giặt:

	탁	기
--	---	---

52. Bia

	주
--	---

53. Tầng đá

바	
---	--